

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
SẢN XUẤT BẢO NGỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18 /2022/CBTT-BN

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

**- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty: Công ty cổ phần Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc

Trụ sở chính: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2 CN8, cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 0243 780 5022

Fax: 0243 780 5024

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Lê Đức Thuận**

Địa chỉ: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2 CN8, cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 0243 780 5022

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2021 của công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc.

Thông tin này được công bố trên trang điện tử Công ty vào ngày 20/04/2022 tại đường dẫn:  
<https://banhbaongoc.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo thường niên năm 2021

Ngày 20 tháng 04 năm 2022

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**Lê Đức Thuận**

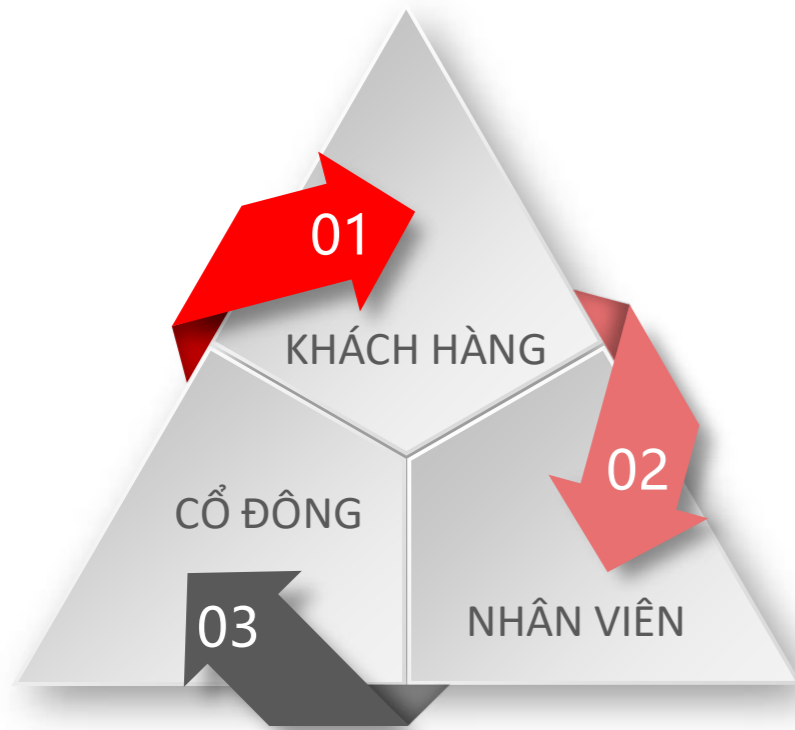


**CÔNG TY CỔ ĐẦU TƯ  
SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  
2021**



## Triết lý kinh doanh



01

### ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

Chúng tôi không ngừng đổi mới nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu ngày một cao và đa dạng hóa của khách hàng thông qua những sản phẩm mang tính sáng tạo.

02

### ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN

Không ngừng đào tạo và tạo môi trường hấp dẫn để nhân viên có cơ hội phát triển trở thành các chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo cấp cao, góp phần xây dựng công ty ngày càng phát triển.

03

### ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG

Không ngừng tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận nhằm gia tăng giá trị công ty và thặng dư tài sản của các cổ đông.



**K1 - KHÔNG NGỪNG CẢI TIẾN** : Trước áp lực cạnh tranh trong nước và Quốc tế như hiện nay, chỉ có cải tiến thường xuyên nhằm tăng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, dịch vụ, giảm giá thành mới giúp chúng ta tồn tại và phát triển.

**K2 - KHÔNG NGỪNG ĐÀO TẠO** : Việt Nam đang trong quá trình hội nhập sâu, rộng vào thế giới, mỗi chúng ta đều phải nỗ lực học tập nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng để cùng hội nhập và phát triển.

**K3 - KHÔNG NÓI KHÔNG VỚI KHÁCH HÀNG** : Khách hàng luôn luôn đúng. Mọi ý kiến của khách hàng đều giúp cho chúng ta hoàn thiện hơn, vì vậy mỗi chúng ta phải suy nghĩ để có phương án hoặc xin ý kiến để có phương án nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

## Triết lý kinh doanh ( Tiếp )



### T1 - THÁI ĐỘ TÍCH CỰC

Trong công việc và giao tiếp với khách hàng, cấp trên, đồng nghiệp chúng ta đều phải cởi mở và đóng góp ý kiến mang tính xây dựng.

### T3 - TRÁCH NHIỆM VỚI CÔNG VIỆC

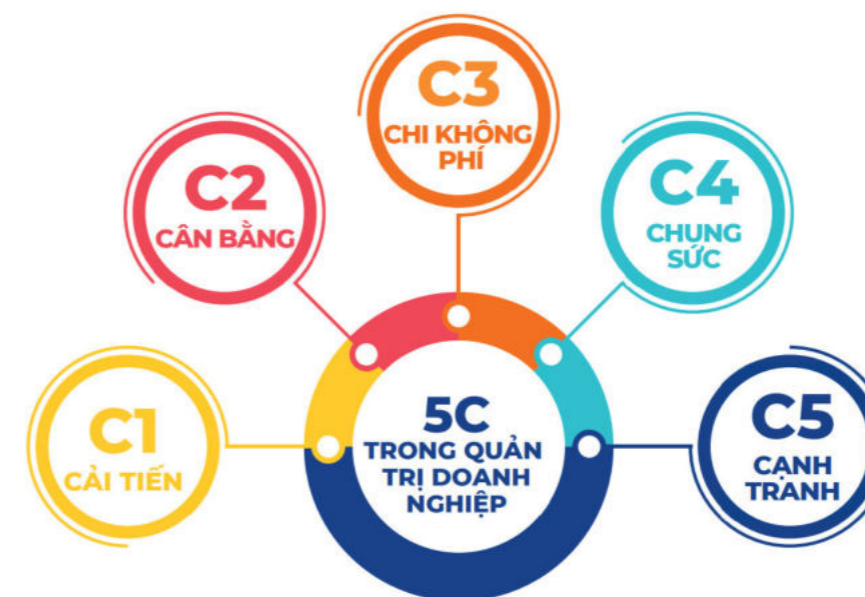
Khi nhận nhiệm vụ mỗi cá nhân phải nỗ lực bản thân, phối hợp với bộ phận liên quan để hoàn thành và tự chịu trách nhiệm về kết quả công việc, không đổ lỗi cho người khác khi không hoàn thành.

### T2 - THEO ĐUỔI MỤC TIÊU

Dù là công ty, bộ phận hay cá nhân muốn phát triển phải có mục tiêu, tuy nhiên mục tiêu phải SMART (S: cụ thể dễ hiểu, M: đo lường được, A: có thể đạt được, R: thực tế, T: có thời hạn) và phải theo đuổi đến cùng.

### T4 - TẬN TÌNH GIÚP ĐỠ NGƯỜI KHÁC

Ngoài trách nhiệm với công việc của cá nhân/ bộ phận mình còn phải có trách nhiệm, tận tình giúp đỡ người khác để hoàn thành mục tiêu chung của tổ chức.



**C1 - CẢI TIẾN** : Trong công việc và giao tiếp với khách hàng, cấp trên, đồng nghiệp chúng ta đều phải cởi mở và đóng góp ý kiến mang tính xây dựng.

**C2 - CÂN BẰNG** : Luôn cân bằng năng lực hệ thống như : cân bằng năng lực giữa khối KD, khối SX, khối dịch vụ, giữa các phòng ban trong khối, máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, công đoạn sản xuất...(nhân lực, tài lực và vật lực).

**C3 - CHI KHÔNG PHÍ** : Khuyến khích chi nhưng phải đảm bảo không lãng phí. Một đồng chi ra phải mang lại bao nhiêu đồng doanh thu hoặc giảm được bao nhiêu đồng chi phí trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

**C4 - CHUNG SỨC** : Luôn đề cao tinh thần làm việc nhóm, phối hợp, chia sẻ kiến thức, kỹ năng cho đồng nghiệp để cùng chung tay, chung sức hoàn thành mục tiêu chung của tổ chức.

**C5 - CẠNH TRANH** : Hoàn thành được 4C trên và thực hiện thường xuyên, liên tục 1C thì chắc chắn sẽ nâng cao năng lực cạnh tranh và chiến thắng đối thủ.

## Triết lý kinh doanh ( Tiếp )

### Văn hoá phụng sự BNA

*“Phụng sự để dẫn đầu”*

Con người BNA Group mỗi ngày luôn nỗ lực hết mình phụng sự khách hàng và đồng nghiệp, coi sự thành công của khách hàng và đồng nghiệp chính là thành công lớn nhất của mình.

## 07

### Đối tượng phụng sự tại BNA

1. Phụng sự cấp dưới
2. Phụng sự khách hàng
3. Phụng sự cấp trên
4. Phụng sự đồng nghiệp
5. Phụng sự công ty
6. Phụng sự cổ đông
7. Phụng sự cộng đồng và xã hội



## TÂM NHÌN & CHIẾN LƯỢC



### PHÁT TRIỂN



01

Phát triển Bảo Ngọc trở thành tập đoàn đa quốc gia với nhiều công ty thành viên hoạt động trong lĩnh vực nuôi trồng, chế biến thực phẩm, đồ uống và thương mại xuất nhập khẩu.

### SẢN XUẤT

Hợp tác đầu tư để nhập khẩu và phân phối thực phẩm từ các quốc gia phát triển.

03



### HỢP TÁC



02

Hợp tác đầu tư để nhập khẩu và phân phối thực phẩm từ các quốc gia phát triển.

### XUẤT KHẨU

Xuất khẩu nông sản, thực phẩm là đặc sản vùng miền của Việt Nam.

04



## CHIẾN LƯỢC 05 NĂM (2021 - 2025)



**2021 - 2022**

Top 3 thị phần và doanh số bánh tươi toàn quốc  
Số 1 thị phần và doanh số bánh tươi miền bắc

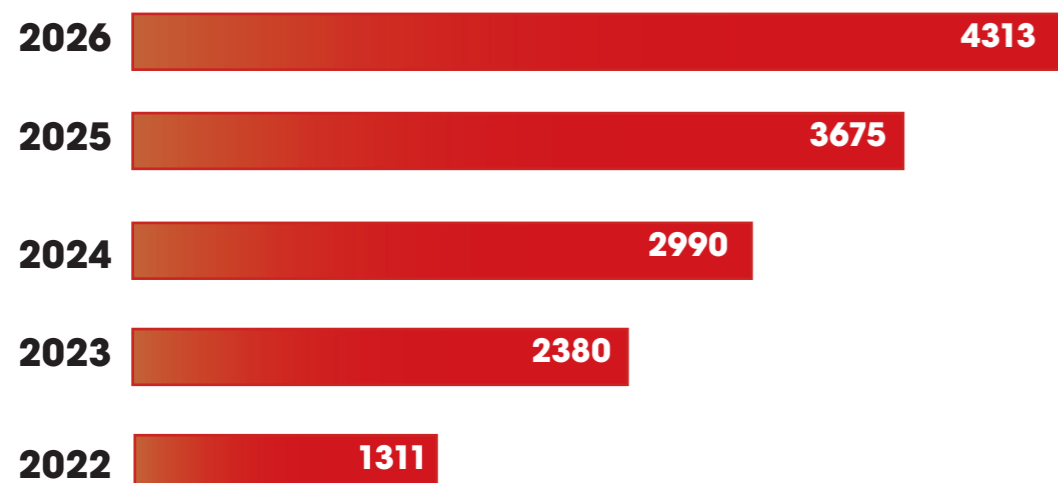


**2023**

Số 1 về thương hiệu, thị phần và doanh số bánh tươi Việt Nam



**Doanh thu ( Tỷ đồng)**



## DANH HIỆU NĂM 2021



### Top 10 thương hiệu hàng đầu Việt Nam



“Thương hiệu Hàng đầu Việt Nam VietNam Top Brands 2021” là Chương trình tổ chức hàng năm, năm 2021 là lần thứ 7 chương trình được tổ chức nhằm tôn vinh các thương hiệu Việt Uy tín, hàng đầu đã có những đóng góp tích cực cho nền kinh tế đất nước. Giải thưởng do Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Doanh nghiệp Châu Á và Công ty cổ phần Tư vấn và Truyền thông Đất Việt (Đất Việt Media) phối hợp tổ chức.

# MỤC LỤC

01

## THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Thông tin về ban lãnh đạo, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý  
Các mục tiêu phát triển bền vững  
Các rủi ro  
Phân tích SWOT

02

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tổ chức và nhân sự  
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án  
Tình hình tài chính  
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

03

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

04

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

05

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông  
Giới thiệu ban lãnh đạo

06

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021





## THÔNG TIN CHUNG





## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

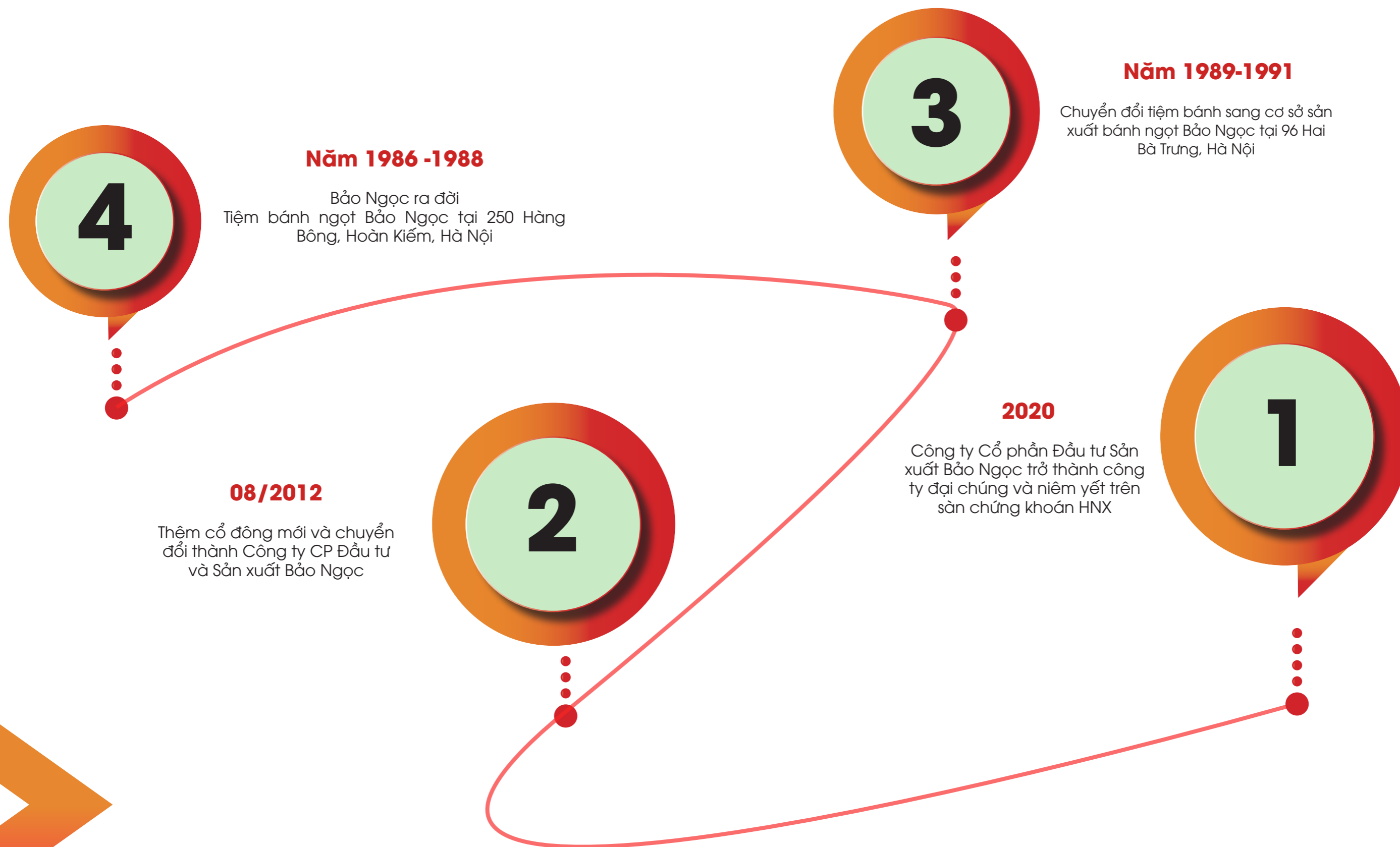
<b>Tên Công ty</b>	Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc
<b>Tên công ty bằng tiếng Anh</b>	Bao Ngoc Investment Production Corporation
<b>Tên công ty viết tắt</b>	Bao Ngoc Corp
<b>Giấy phép đăng ký kinh doanh</b>	Số 0105950129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23/07/2012 và thay đổi lần thứ 14 ngày 05/01/2022
<b>Vốn điều lệ</b>	<b>199.999.890.000</b> đồng
<b>Trụ sở chính</b>	Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
<b>Điện thoại</b>	043.780.5022
<b>Fax</b>	043.780.5022
<b>Email</b>	admin@banhbaongoc.vn
<b>Website</b>	<a href="https://banhbaongoc.vn/">https://banhbaongoc.vn/</a>
<b>Mã chứng khoán</b>	BNA



**Trụ sở chính:** Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội



## LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



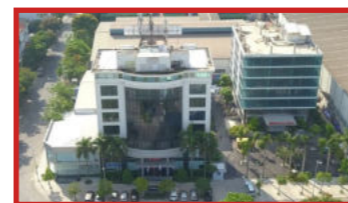
## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất các loại bánh từ bột, sản xuất đường, cacao, sô cô la và mút kẹo
- Sản xuất mì ống, mì sợi và các sản phẩm tương tự, thức ăn chế biến sẵn
- Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia
- Bán buôn gạo, bán buôn thực phẩm, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động



- Bán lẻ khác trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc là chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu

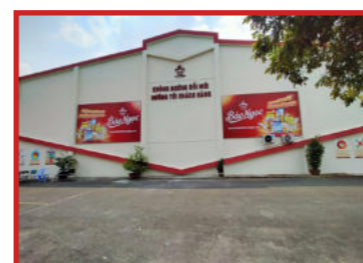
## ĐỊA BÀN KINH DOANH



**Trụ sở chính:** Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.



**Chi nhánh miền Nam:** 68 Phạm Ngọc Thảo, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM.

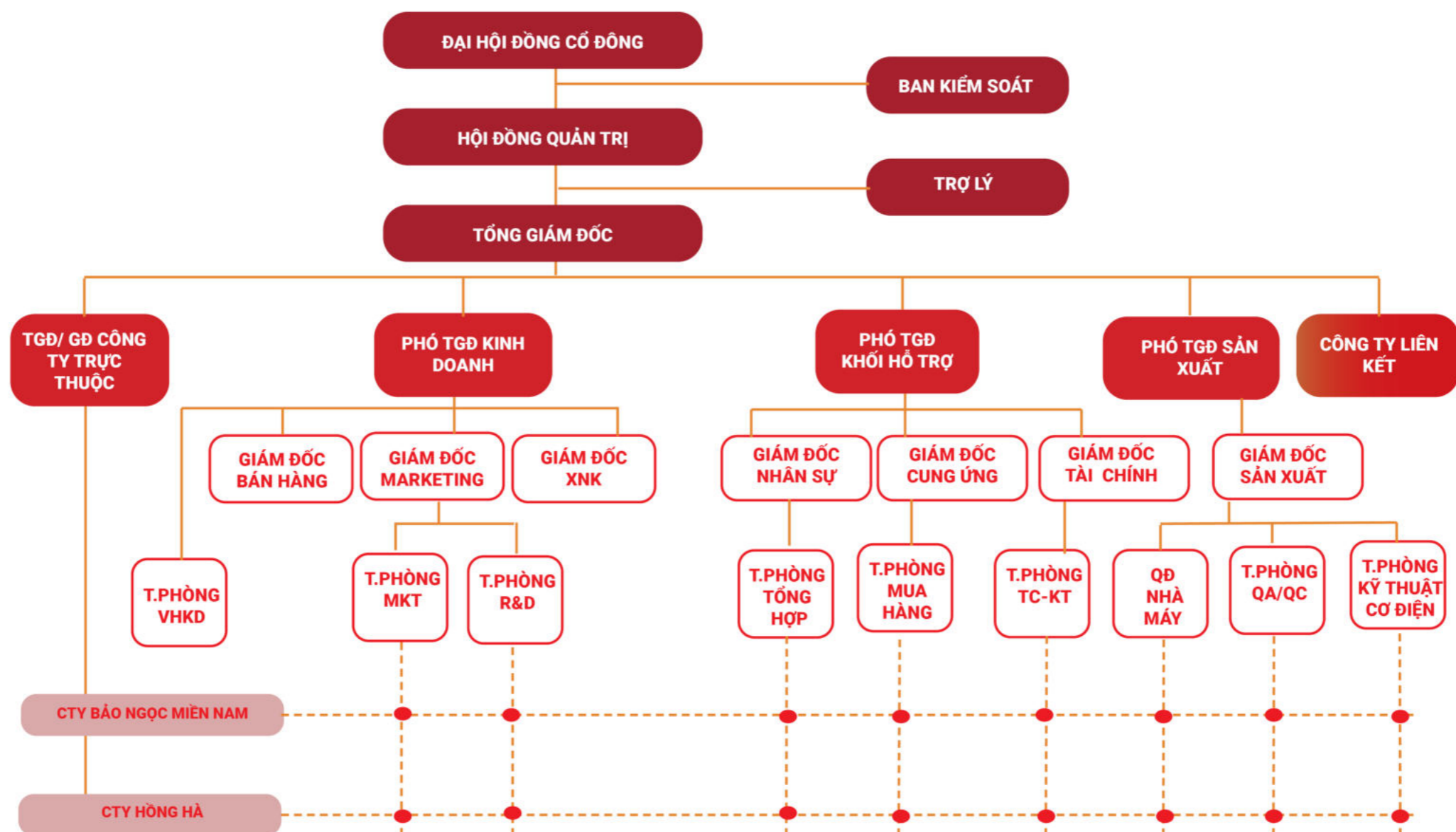


**Nhà máy sản xuất miền Bắc:** Cụm công nghiệp Di Trạch, Xã Di Trạch, Huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội



**Nhà máy sản xuất miền Nam:** Lô B8/II-B9/II, đường số 2A, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



### Đại hội đồng cổ đông :

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

### Hội đồng quản trị :

Là cơ quan quản lý trực tiếp tại Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật; có toàn quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề của Đại hội đồng cổ đông.

### Ban kiểm soát:

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; thông báo kết quả kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

### Tổng Giám đốc :

Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

## MÔ HÌNH TỔ CHỨC KINH DOANH

### CÔNG TY CON

<b>Tên công ty</b>	Công ty TNHH Chế biến Nông sản thực phẩm Hồng Hà
<b>Địa chỉ</b>	Thôn Vực, xã Di Trạch, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội
<b>Lĩnh vực sản xuất kinh doanh</b>	Sản xuất bánh kẹo
<b>Vốn điều lệ</b>	24.000.000.000
<b>Vốn điều lệ đã góp</b>	21.600.000.000
<b>Tỷ lệ sở hữu</b>	90%

<b>Tên công ty</b>	CTCP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc miền Nam
<b>Địa chỉ</b>	68, Đường Phạm Ngọc Thảo, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, tp Hồ Chí Minh, Việt Nam
<b>Lĩnh vực sản xuất kinh doanh</b>	Sản xuất bánh kẹo
<b>Vốn điều lệ</b>	90.000.000.000
<b>Vốn điều lệ đã góp</b>	87.050.000.000
<b>Tỷ lệ sở hữu</b>	96,72%

### TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 1/1/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>1. Đầu tư vào công ty con</b>	108.650	108.650	108.650	108.650
- Công ty TNHH Chế biến Nông Sản thực phẩm Hồng Hà	21.600	21.600	21.600	21.600
- Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc miền Nam	87.050	87.050	87.050	87.050
<b>2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>				
<b>3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY CON

Chỉ tiêu	TH năm 2020	TH năm 2021	TH năm 2021 / TH năm 2020
1. Tổng tài sản	314.689	590.471	87,64%
2. Doanh thu thuần	596.861	1.001.375	67,77%
3. Giá vốn hàng bán	512.126	842.744	64,56%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	321	2.800	772,27%
5. Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	44.574	76.168	70,88%
6. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	40.482	85.263	110,62%
7. Lợi nhuận khác	(284)	(633)	122,89%
8. Lợi nhuận trước thuế	40.198	84.630	110,53%
9. Lợi nhuận sau thuế	32.367	65.899	103,60%



## GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Chủ tịch Hội đồng quản trị

### LÊ ĐỨC THUẤN

Giới tính : Nam  
 Năm sinh : 1976  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ điều hành cao cấp

**2001 - Nay** : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Á Long.

Quá trình công tác

**07/2012 - 06/2020** : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần đầu tư sản xuất Bảo Ngọc.

**06/2020 - Nay** : Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần đầu tư sản xuất Bảo Ngọc.

Số cổ phần sở hữu cá nhân

7.212.589 cổ phần, chiếm tỷ lệ 36,06 %

Số cổ phần sở hữu đại diện

1.881.250 cổ phần, chiếm tỷ lệ 18,81%

Chức vụ nắm giữ tại công ty khác

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Á Long



Thành viên Hội đồng quản trị

### TRẦN XUÂN VINH

Giới tính : Nam  
 Năm sinh : 1977  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

**07/2012 - Nay** : Phó Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Á Long.

Quá trình công tác

**07/2012 - Nay** : Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần đầu tư sản xuất Bảo Ngọc.

**10/2017 - Nay** : Giám đốc tại Công ty Cổ phần đầu tư sản xuất Bảo Ngọc miền Nam.

Số cổ phần sở hữu cá nhân

250.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,25 %

Chức vụ nắm giữ tại công ty khác

Phó Tổng GD CTCP Á Long, Giám đốc CTCP Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc miền Nam.



### Thành viên Hội đồng quản trị

## NGUYỄN TRUNG HIẾU

Giới tính : Nam  
 Năm sinh : 1987  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ quản trị kinh doanh cao cấp

**02/2009 - 07/2009** : Kỹ sư công nghệ tại Công ty Cổ phần Bia Việt Pháp.

**07/2009 - 05/2021**: Chuyên viên R&D tại Công ty Cổ phần Trảng An.

#### Quá trình công tác

**05/2012 - 03/2017** : Phụ trách phòng MKT tại Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại Trảng An.

**03/2017 - 08/2017** : Trưởng phòng MKT tại Công ty Cổ phần dược phẩm An Hưng.

**09/2017 - Nay** : Giám đốc MKT tại Công ty Cổ phần đầu tư sản xuất Bảo Ngọc.

**06/2020 - Nay** : Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần đầu tư sản xuất Bảo Ngọc.

#### Số cổ phần sở hữu cá nhân

15.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,075 %

#### Chức vụ nắm giữ tại công ty khác

Không có



### Thành viên Hội đồng quản trị

## ĐẶNG MINH QUANG

Giới tính : Nam  
 Năm sinh : 1974  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ quản trị kinh doanh

**09/1995 - 11/1998** : Chuyên viên nghiệp vụ và hợp tác quốc tế tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank).

**12/1998 - 10/2000** : Trưởng phòng kinh doanh & Trưởng phòng tổng hợp tại Công ty cho thuê tài chính Vietcombank.

**11/2000 - 12/2007** : Nghiên cứu sinh, Giảng viên, kiêm Điều phối viên 3 chương trình Thạc sĩ quốc tế & Trợ lý nghiên cứu cao cấp cho Thái tử Malaysia tại Học viện Á - Âu, đại học tổng hợp Malaysia, đại học tổng hợp nam Australia.

**01/2008 - 03/2010** : Giám đốc khối Kế hoạch chiến lược & phát triển hệ thống tại Ngân hàng Bảo Việt.

#### Quá trình công tác

**04/2010 - 10/2013** : UV HĐQT kiêm phó tổng giám đốc tại Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.

**01/2013 - 05/2016** : Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc khối vận hành tại Công ty Cổ phần chứng khoán Dầu khí.

**06/2016 - 08/2018** : Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc khối dịch vụ chứng khoán và tư vấn tại Công ty Cổ phần chứng khoán Dầu khí.

#### 09/2018 - Nay :

+ Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Dịch vụ thể thao và Giải trí Thăng Long tại Công ty TNHH Dịch vụ thể thao và Giải trí Thăng Long.

+ Cố vấn cao cấp HĐQT Công ty Cổ phần Siêu Chung Kỳ tại Công ty Cổ phần Siêu Chung Kỳ.

+ Viện phó Viện nghiên cứu chiến lược và đầu tư mua bán sắt nhập tại Viện nghiên cứu chiến lược và đầu tư mua bán sắt nhập.

**06/2020 - Nay** : Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần đầu tư sản xuất Bảo Ngọc.

#### Số cp sở hữu cá nhân

0 cổ phần

#### Chức vụ tại công ty khác

Chủ tịch HĐQT công ty TNHH Dịch vụ Thể thao và Giải trí Thăng Long, Cố vấn cao cấp HĐQT Công ty CP Siêu Chung Kỳ, Viện phó Viện nghiên cứu chiến lược và đầu tư mua bán sắt nhập.



**Thành viên Hội đồng quản trị**

**PHẠM THẾ HƯNG**

Giới tính : Nam  
 Năm sinh : 1979  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình  
công tác

**10/2000-10/2007** : Chức vụ Giám sát tại Công ty Ajinomoto Việt Nam.

**11/2007-11/2013** : Chức vụ Quản lý tại Công ty JJJ Việt Nam.

**12/2013 - 04/2015** : Chức vụ Quản lý tại Công ty Newwet Dairy.

Số cổ phần  
sở hữu cá  
nhân

12.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,156 %

Chức vụ nắm  
giữ tại công  
ty khác

Không có



## GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO ( Tiếp )

### BAN KIỂM SOÁT



Trưởng Ban kiểm soát

### KHỔNG THỊ OANH

Giới tính : Nữ  
 Năm sinh : 1990  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình  
 công tác

**001/2013 - 03/2018** : Kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư sản xuất Bảo Ngọc.

**03/2018 - Nay** : Trưởng ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần đầu tư sản xuất Bảo Ngọc.

Số cổ phần  
 sở hữu cá  
 nhân

435.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,187 %

Chức vụ  
 nắm giữ  
 tại công ty  
 khác

Không có



Thành viên Ban kiểm soát

### LÊ THỊ THANH HUYỀN

Giới tính : Nữ  
 Năm sinh : 1992  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình  
 công tác

**06/2014 - 11/2017** : Kế toán tại Công ty TNHH Shorai Việt Nam.

**12/2017 - 03/2018** : Kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư sản xuất Bảo Ngọc.

**03/2018 - Nay** : Thành viên Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần đầu tư sản xuất Bảo Ngọc.

Số cổ phần  
 sở hữu cá  
 nhân

4.425 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,021 %

Chức vụ nắm  
 giữ tại công  
 ty khác

Không có



Thành viên Ban kiểm soát

## NGUYỄN THỊ THU QUYÊN

Giới tính : Nữ  
 Năm sinh : 1983  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

**06/2005 - 05/2008** : Kế toán tại Công ty TNHH Hoàng Yến.

**06/2008 - 06/2016** : Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Toàn Lực.

Quá trình  
công tác

**06/2016 - 12/2018** : Kế toán trưởng tại Công ty TNHH mài mòn đánh bóng Việt Nam.

**01/2019 - Nay** : Thành viên Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần đầu tư sản xuất Bảo Ngọc.

**12/2018 - Nay** : Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Á Long.

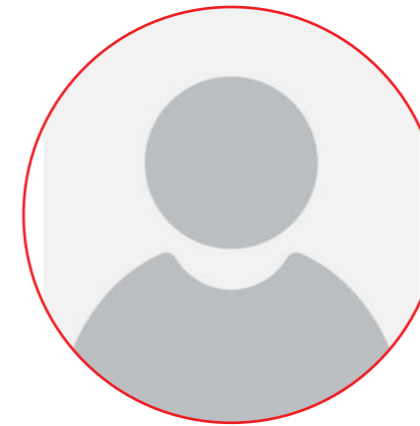
Số cổ phần  
sở hữu cá  
nhân

625 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003 %

Chức vụ nắm  
giữ tại công  
ty khác

Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Á Long

## GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Tổng giám đốc

## VŨ ĐỨC LỢI

Giới tính : Nam  
 Năm sinh : 1976  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình  
công tác

**03/2019 - 06/2020** : Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị

**02/2021 - Nay** : Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần đầu tư sản xuất Bảo Ngọc

Số cổ phần  
sở hữu cá  
nhân

0

Chức vụ  
nắm giữ  
tại công ty  
khác

Không có

## CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### **Tuân thủ luật pháp về môi trường**

Đây là cam kết hàng đầu của Bảo Ngọc, cùng với cơ chế hỗ trợ và giám sát đảm bảo sẽ tuân thủ các yếu cầu pháp lý. Bên cạnh đó, cải tiến và áp dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường là một hướng đi ưu tiên đối với mọi hoạt động sản xuất. Không chỉ đặt mục tiêu tuân thủ hoàn toàn với các quy định của pháp luật và không có bất cứ vi phạm nào liên quan tới các vấn đề môi trường, Bảo Ngọc còn không ngừng nỗ lực để trở thành lá cờ đầu trong ngành sản xuất bánh kẹo nói riêng và chế biến thực phẩm nói chung về sản xuất trách nhiệm, thân thiện với môi trường.

### **Thiết lập mục tiêu hoạt động luôn hướng đến sức khỏe, lợi ích của người tiêu dùng**

Với mục tiêu hoạt động là luôn hướng đến sức khỏe và lợi ích người tiêu dùng. Trong tương lai Công ty sẽ không ngừng nghiên cứu và phát triển những sản phẩm tốt nhất, chất lượng nhất để phục vụ cho sức khỏe, lợi ích của người tiêu dùng cũng như khẳng định vị thế thương hiệu trên thị trường và niềm tin đối với khách hàng.

### **Đồng hành phát triển cùng cộng đồng**

Tiếp tục thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền trách nhiệm với môi trường - cộng đồng - xã hội, vấn đề trọng tâm là thiết lập hệ thống quản trị các vấn đề môi trường - xã hội tự nguyện, phù hợp với các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế. Công ty đã và đang nỗ lực thực hiện, đặt mục tiêu hàng đầu bằng những hành động vì cộng đồng của mình mà lan tỏa ảnh hưởng, thúc đẩy và kêu gọi các bên cùng tham gia vì một thế giới ngày càng tốt đẹp hơn.





## CÁC RỦI RO

### ⚠️ Rủi ro kinh tế

Do sản phẩm chính của Công ty là bánh chủ yếu là các loại bánh mì, bánh tươi, đây là mặt hàng thiết yếu nên sẽ có ít biến động so với biến động của nền kinh tế. Theo đó, xét một cách tổng thể, rủi ro kinh tế không hẳn là rủi ro lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### ⚠️ Rủi ro về giá cả

Nguyên liệu chính phải nhập khẩu phần lớn (như: bột, đường, sữa,...) nên giá cả sẽ bị phụ thuộc phần lớn vào giá thế giới, ngoài ra chịu sự tác động của tỷ giá cũng sẽ khiến giá nguyên liệu thay đổi, ảnh hưởng tới giá của sản phẩm.

### ⚠️ Rủi ro đặc thù

Đối với các công ty sản xuất Bánh kẹo việc nhập khẩu bột mì là vấn đề vô cùng quan trọng khi sản xuất trong nước mới chỉ đáp ứng được phần nhỏ nhu cầu. Hiện nay thuế xuất nhập khẩu bột mì khoảng 5% đến 15% xong chưa có quy định mới nào về việc tăng hay giảm thuế suất nhập khẩu đối với bột mì vào thời gian tới. Ngoài ra, do đặc thù Công ty Bảo Ngọc có sản xuất bánh tươi chiếm tới từ 60% đến 90% doanh số toàn công ty nên việc ảnh hưởng của năng suất lao động, khả năng lao động thủ công của các nghệ nhân làm bánh là khá lớn, ảnh hưởng trực tiếp tới sản lượng và chất lượng của bánh.

### ⚠️ Rủi ro về môi trường

Dòng sản phẩm chiếm tỷ trọng lớn của Công ty Cổ Phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc là dòng bánh tươi, hạn sử dụng sản phẩm ngắn, với thời tiết nồm ẩm cũng ảnh hưởng tới khả năng lưu trữ của sản phẩm. Hoặc nếu được bảo quản nơi có môi trường ẩm thấp cũng ảnh hưởng tới việc bánh bị đổi trả, tỷ lệ hủy bánh cao, ảnh hưởng tới doanh thu của Công ty.

### ⚠️ Rủi ro khác

Các rủi ro như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán nếu xảy ra sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.

### ⚠️ Rủi ro về luật pháp

Là Doanh nghiệp được tổ chức theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty Cổ Phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc chịu ảnh hưởng bởi Luật Doanh Nghiệp, Luật quản lý thuế và văn bản khác điều chỉnh đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, Công ty đã là công ty niêm yết (trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội - HNX), nên công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Các văn bản pháp luật trên khi được Nhà nước sửa đổi, bổ sung thì có những tác động nhất định tới hoạt động bình thường của Công ty, có thể là cơ hội nhưng cũng có thể mang đến những hệ quả xấu mà doanh nghiệp không thể giải quyết, xử lý kịp thời.

## PHÂN TÍCH SWOT

### Điểm mạnh

- Thương hiệu nổi tiếng lâu năm.
- Tầm nhìn dài hạn và chiến lược kinh doanh bền vững.
- Hội đồng quản trị và ban điều hành có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo bài bản từ nước ngoài.
- Đội ngũ R&D mạnh liên tục tạo ra các sản phẩm mới dẫn đầu xu hướng.

### Cơ hội

- Quy mô thị trường lớn, tốc độ tăng trưởng ngành cao.
- Dân số > 97 triệu dân, tỷ lệ dân số trẻ cao và tốc độ phát triển kinh tế thuộc top đầu trên Thế Giới.
- Các sản phẩm chính thuộc ngành hàng thực phẩm tiêu dùng nhanh.
- Xu hướng của người tiêu dùng ngày càng lựa chọn nhiều các sản phẩm tươi, nhanh.



### Điểm yếu

- Nguồn vốn còn hạn hẹp.
- Quy mô doanh nghiệp còn nhỏ.
- Thị phần còn thấp.

### Thách thức

- Ngày càng nhiều các đối thủ tiềm năng vừa và nhỏ trên khắp các tỉnh thành.
- Các đối thủ lớn ngày càng quan tâm và đầu tư cho ngành hàng bánh tươi.
- Người tiêu dùng luôn đòi hỏi những yêu cầu.



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

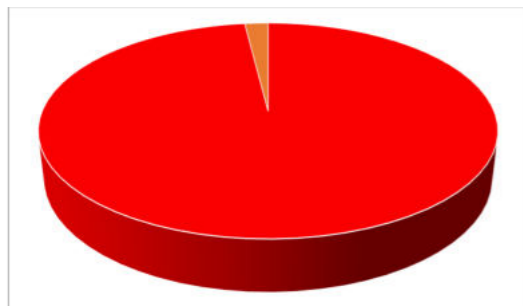


## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD

### ☉ Cơ cấu doanh thu:

Chỉ tiêu (triệu đồng)	Năm 2020	Năm 2021	Tăng giảm 2021 / 2020
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	604.302	1.010.933	67,3%
Doanh thu hoạt động tài chính	209	2.800	1239,71%
<b>Tổng cộng</b>	<b>604.518</b>	<b>1.013.733</b>	<b>-</b>

#### Cơ cấu doanh thu



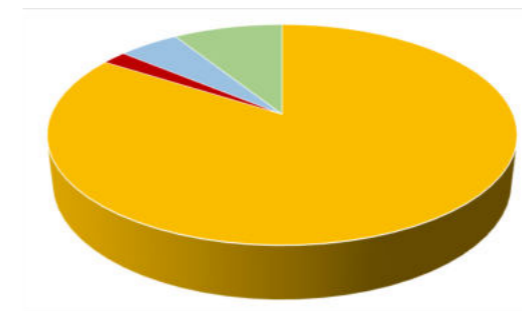
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Doanh thu hoạt động tài chính

Trong năm 2021, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của BNA đạt 1.010.933 triệu đồng, tăng 67,3% so với doanh thu đạt được trong năm 2020. Trong đó, doanh thu bán hàng hóa tăng trưởng mạnh mẽ và chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tổng doanh thu với 73,2%, tăng 311,11% so với năm 2020. Điều đó cho thấy sự hiệu quả khi Công ty tập trung đẩy mạnh phát triển ngành kinh doanh cốt lõi là sản xuất hàng hóa, nguyên nhân chủ yếu từ việc BNA vẫn duy trì được sản lượng sản xuất và tiêu thụ hàng hóa tốt, mặc dù gặp nhiều khó khăn trong khâu sản xuất, vận chuyển vì lý do dịch bệnh Covid - 19. Bên cạnh đó, Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty năm 2021 tăng gấp nhiều lần so với năm 2020 khi đạt 2.800 triệu đồng, tăng 1239,71% so với năm 2020, nguyên nhân đến từ các khoản lãi tiền gửi, lãi cho vay của công ty thu lại trong năm 2021 là lớn.

### ☉ Cơ cấu chi phí:

Chỉ tiêu ( triệu đồng)	Năm 2020	Năm 2021	Tăng giảm 2021 / 2020
Giá vốn hàng bán	512.125	846.878	65,37%
Chi phí tài chính	3.214	8.659	169,42%
Chi phí bán hàng	22.422	44.615	98,98%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.936	20.831	10,01%
Chi phí khác	445	707	58,88%
<b>Tổng cộng</b>	<b>557.142</b>	<b>921.960</b>	<b>65,43%</b>

#### Cơ cấu chi phí



- Giá vốn hàng bán
- Chi phí tài chính
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nhìn chung khoản mục giá vốn hàng bán vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu tổng chi phí của BNA ( hơn 90%). Trong năm 2021, giá vốn hàng bán tăng 65,37 % so với cùng kỳ do trong năm 2021 thị trường gạo Việt Nam có xu hướng tăng mạnh ở các mảng về xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Bên cạnh đó, các khoản chi phí khác của công ty cũng có xu hướng tăng. Nguyên nhân là do trong năm 2021, công ty đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, tăng cường các công tác quản trị công ty, do đó các chi phí mà công ty bỏ ra là nhiều hơn so với năm trước.

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD ( TIẾP )

### Biên lợi nhuận gộp :

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Doanh thu thuần	168.542	251.954	596.860	1.001.375
Lợi nhuận gộp	47.789	49.095	84.734	154.497
Biên lợi nhuận gộp	28,35 %	19,49 %	14,20 %	15,42 %

Với kết quả kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2021, lợi nhuận gộp của BNA tăng 82,33 % so với cùng kỳ đạt giá trị 154.497 triệu đồng. Điều này có thể được lý giải do doanh thu thuần năm 2021 tăng dẫn đến mức biên lợi nhuận tăng từ 14,20% lên 15,42%.

### Kết quả đạt được so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	KH năm 2021	TH năm 2021	% KH năm 2021
Doanh thu thuần về BH & CCDV	992.513	1.001.375	100,89%
Lợi nhuận sau thuế	51.174	65.851	128,68%
Cổ tức	-	-	-

Năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước chịu ảnh hưởng nghiêm trọng bởi làn sóng dịch bệnh Covid - 19 lần thứ tư. Tuy nhiên, đi ngược với xu thế giảm sút trong doanh thu cùng lợi nhuận của đại đa số các doanh nghiệp, doanh thu và lợi nhuận của BNA trong năm 2021 lại có sự tăng trưởng vượt bậc. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2021 đạt 1.010.933 triệu đồng, đạt 100,89% so với kế hoạch đặt ra. Đồng thời, lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 65.851 triệu đồng, đạt 128,68% so với kế hoạch đặt ra. Nguyên nhân dẫn đến sự tăng trưởng mạnh mẽ này của công ty là do trong năm 2021, thị trường gạo Việt Nam có xu hướng tăng mạnh ở các mảng về xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Với lợi thế là một trong những doanh nghiệp hàng đầu về sản xuất lương thực từ gạo cùng những cải tiến trong khoa học và công nghệ, Công ty đã cho ra đời những sản phẩm chất lượng cao, đem lại doanh thu cao cho công ty.

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### THỐNG KÊ NHÂN SỰ

Tiêu chí	Số lượng năm 2020 (người)	Số lượng năm 2021 (người)	Tỷ trọng 2021
<b>I. Theo trình độ lao động</b>			
1. Trình độ Đại học và trên Đại học	9	13	2,43%
2. Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	60	90	16,82%
3. Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	120	180	33,64%
4. Lao động phổ thông	187	252	47,10%
<b>II. Theo đối tượng lao động</b>			
1. Lao động trực tiếp	225	320	59,81%
2. Lao động gián tiếp	151	215	40,19%
<b>III. Theo giới tính</b>			
1. Nam	185	215	40,19%
2. Nữ	191	320	59,81%
<b>Tổng cộng</b>	<b>376</b>	<b>535</b>	<b>100.00%</b>

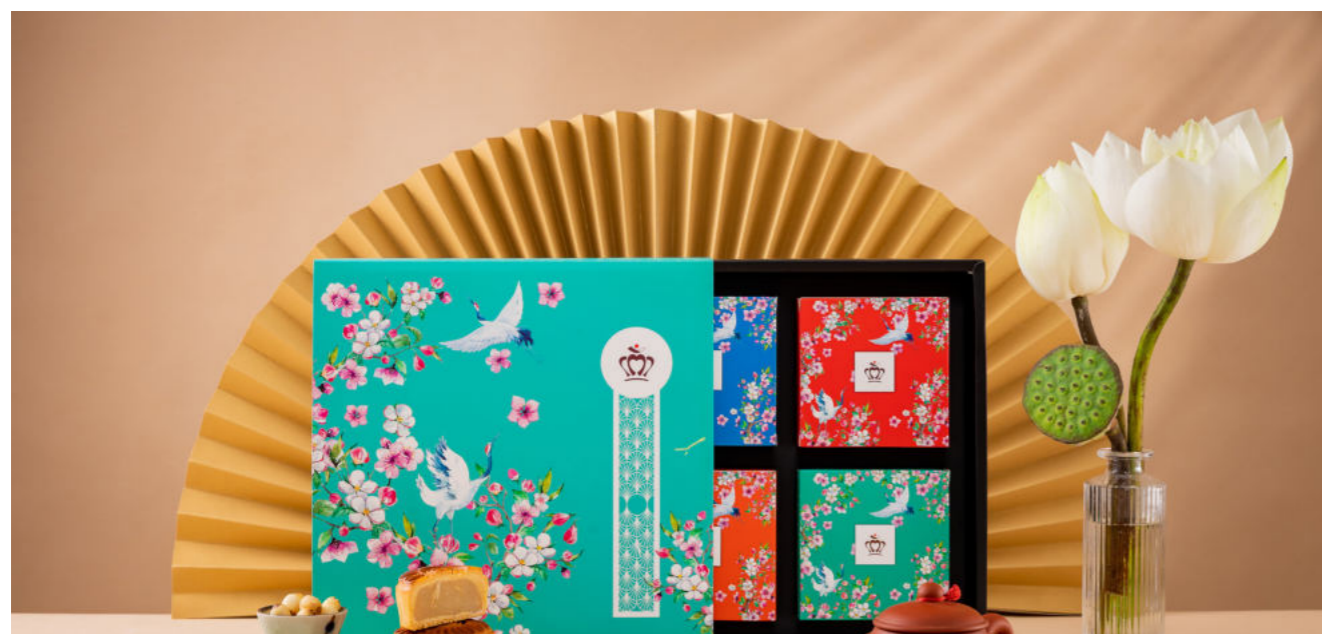
### CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

Công ty thực hiện trả lương, thưởng cho cán bộ, nhân viên trong Công ty đúng và đầy đủ theo chức danh và tính chất từng công việc trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành.

Công ty đã luôn quan tâm đến việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động đảm bảo đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định của Nhà Nước.

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

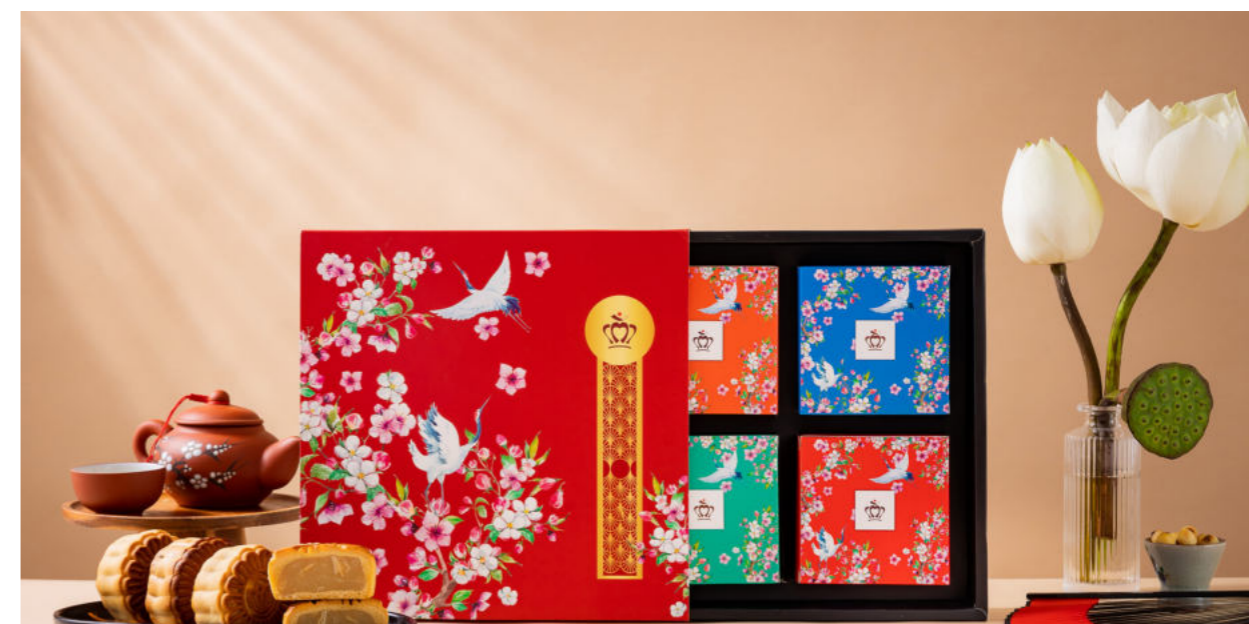
<b>Tên dự án</b>	Nhà máy sản xuất Bảo Ngọc Miền Trung
<b>Tên nhà đầu tư</b>	Công ty cổ phần đầu tư sản xuất Bảo Ngọc
<b>Hình thức đầu tư</b>	Đầu tư trực tiếp
<b>Mục tiêu đầu tư</b>	Mở rộng nhà máy sản xuất miền trung
<b>Quy mô dự án</b>	12.000 tấn sản phẩm/năm, diện tích sử dụng đất: 7.921m <sup>2</sup> , diện tích nhà xưởng, kho, nhà điều hành: 5000m <sup>2</sup>
<b>Địa điểm thực hiện dự án</b>	Lô U1-U3 đường ven DT 602 khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng quận Liên Chiểu TP. Đà Nẵng, Việt Nam
<b>Tổng mức đầu tư dự án</b>	160.000.000.000
<b>Thời gian và tiến độ thực hiện dự án</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị thủ tục đầu tư: quý 2/2021</li> <li>- Thiết kế, khởi công xây dựng: quý 4/2021</li> <li>- Lắp đặt máy móc thiết bị là quý 3/2022</li> <li>- Hoạt động chính thức quý 4/2022</li> </ul>



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2021	2020	Tăng giảm 2021/2020
<b>1. Tổng giá trị tài sản</b>	577.416	314.689	83,49%
<b>2. Doanh thu thuần</b>	1.001.375	596.860	67,77%
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động SXKD</b>	83.190	40.482	105,50%
<b>4. Lợi nhuận khác</b>	(626)	(284)	-
<b>5. Lợi nhuận trước thuế</b>	82.564	40.198	105,39%
<b>6. Lợi nhuận sau thuế</b>	65.851	32.366	103,46%

Tại thời điểm cuối năm 2021, tổng giá trị tài sản của BNA tăng 83,49% do Công ty thực hiện đầu tư, trang bị thêm máy móc thiết bị nhằm phục vụ cho quá trình mở rộng sản xuất, kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, hoạt động mua bán được diễn ra thuận lợi cũng giúp Công ty thu được một lượng lớn tiền mặt và gửi ngân hàng cùng các khoản phải thu ngắn hạn, khiến cho tổng giá trị tài sản gia tăng so với thời điểm cuối năm trước. Bên cạnh đó, những thuận lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh cùng sự gia tăng đơn hàng nội địa đã giúp cho Công ty trong năm 2021 đạt mức doanh thu 1.001.375 triệu đồng, cao hơn 67,77% so với năm 2020. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty đạt 83.190 triệu đồng, tăng 105,50% so với năm 2020 cho thấy các chiến lược đầu tư, kinh doanh sáng suốt của đội ngũ Hội đồng quản trị. Qua đó, lợi nhuận trước thuế của Công ty tăng 105,39% so với thời điểm đầu năm 2021, đạt 82.564 triệu đồng.





## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>					
Hệ số thanh toán ngắn hạn = TSNH/NNH	Lần	1,5	1,57	0,88	2,11
Hệ số thanh toán nhanh = (TSNH-HTK)/NNH	Lần	0,84	1,18	0,46	1,06
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>					
Tỷ lệ Nợ/Tổng tài sản	%	31,73	33,72	49,56	35,54
Tỷ lệ Nợ / VCSH	%	46,48	50,88	98,24	55,12
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>					
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	8,45	8,13	11,82	6,31
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Vòng	1,07	1,36	1,90	1,73
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>					
ROS	Lần	9,79	4,62	5,42	6,58
ROE	Lần	29,80	10,11	22,65	23,80
ROA	Lần	20,34	6,79	12,75	14,16
LNHKD/DTT	Lần	0,13	0,06	0,07	0,08



### Khả năng thanh toán

Tổng quan năm 2021, chỉ số thanh toán của công ty cao hơn nhiều so với năm 2020 cụ thể chỉ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,88 lên 2,11 lần và hệ số thanh toán nhanh từ 0,46 lần lên 1,06 lần. Trong năm 2021, tình hình kinh doanh của BNA có sự tăng trưởng mạnh mẽ giúp cho sự gia tăng từ khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền tăng đến 416,67% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, mức nợ ngắn hạn của công ty năm nay được ghi nhận tăng 25,59% so với cùng kỳ.



### Cơ cấu vốn

Năm 2021, hệ số nợ/ Tổng tài sản của công ty giảm từ 49,56% lên 35,54%; hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu giảm từ 98,49% xuống 55,12%. Điều này cho thấy cơ cấu tài chính năm nay của BNA khá tốt khi không bị phụ thuộc quá nhiều vào các khoản nợ vay. Tổng nợ của công ty không có nhiều biến động mạnh chủ yếu vốn chủ sở hữu của công ty tăng mạnh 134,49% so với cùng kỳ năm 2020, thể hiện công ty có hệ số công nợ ở mức an toàn và kiểm soát tốt mức nợ phải trả đảm bảo sức khỏe tài chính ổn định.



### Năng lực hoạt động

Năm 2021, vòng quay tổng tài sản giảm từ 1,9 xuống 1,73 vòng cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của công ty được cải thiện tốt hơn so với năm trước. Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho giảm xuống 6,31 vòng năm 2021 so với mức 11,82 vòng năm 2020 do số lượng hàng tồn kho trong năm 2021 tăng 211,12% so với năm 2020.



### Khả năng sinh lời

Các chỉ số ROS, ROA, ROE đều có xu hướng tăng so với năm trước, cho thấy hiệu quả trên vốn chủ sở hữu của BNA tăng lên, làm tăng hiệu quả đồng vốn của cổ đông đầu tư ngày càng tăng.

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	BNA
Mệnh giá cổ phiếu	10,000 đồng
Ngày bắt đầu niêm yết/ đăng ký giao dịch	10/12/2020
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	19.999.989 cp
Tổng số cổ phiếu quỹ	0 cp

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Phân loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ(%)
Cổ đông lớn	9.093.839	54,87%
Cổ đông nhỏ	10.906.150	45,13%
<b>Tổng</b>	19.999.989	100%
Cổ đông cá nhân	17.457.235	87,28%
Cổ đông tổ chức	2.542.754	12,72%
<b>Tổng</b>	19.999.989	100%
Cổ đông trong nước	19748768	1,26%
Cổ đông nước ngoài	251.221	98,74%
<b>Tổng</b>	19.999.989	100%

### DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cá nhân/tổ chức (người đại diện)	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ
1	Công ty Cổ phần Á Long	1.881.250 cp	18,81%
2	Lê Đức Thuận	7.212.589 cp	36,06%

### TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU NĂM 2021

Trong năm 2021, BNA phát hành thêm cổ phiếu, vốn điều lệ của Công ty tăng lên là 199 tỷ đồng

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm 2021, BNA không có giao dịch cổ phiếu quỹ





# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC



## ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2021

### Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SXKD của Công ty

#### Các yếu tố tích cực:

Bảo Ngọc đã linh hoạt biến những thách thức do dịch bệnh gây ra thành cơ hội để phát triển mạnh mẽ hơn. Trong bối cảnh đa số doanh nghiệp gặp khó khăn về dòng tiền, nhân lực cũng như khả năng tiếp cận khách hàng bị hạn chế do ảnh hưởng của dịch bệnh, công ty đã tận dụng tối lợi thế để tuyển dụng và chiêu mộ thêm lực lượng nhân sự có năng lực. Bên cạnh việc tuyển dụng theo cách truyền thống như đăng tuyển trên các trang tuyển dụng uy tín, tuyển dụng truyền thống thì Bảo Ngọc có tham gia chương trình “**Cơ hội cho ai**” để tìm kiếm và chiêu mộ nhân tài để cùng đồng hành đưa Bảo Ngọc lên tầm cao mới. Việc giãn cách xã hội làm các cửa hàng ăn sáng, nhà hàng, ... đóng cửa trong thời gian giãn cách xã hội đã tạo điều kiện cho bánh Bảo Ngọc được thâm nhập sâu hơn vào thị trường tiêu dùng thông qua các kênh bán hàng. Ngoài ra, công ty còn được hưởng lợi từ những chính sách hỗ trợ của chính phủ như việc các ngân hàng thương mại giảm lãi suất cho vay đối với các doanh nghiệp sản xuất.



#### Các yếu tố tiêu cực

- Dịch bệnh bị phong tỏa 1 số khu vực dẫn đến khó khăn cho việc triển khai bán hàng.
- Khi di chuyển đi bán hàng thì phải có test covid âm tính trong vòng 72h cũng là 1 trở ngại đối với đội ngũ nhân sự kinh doanh.
- Nhân sự thị trường dễ nhiễm bệnh covid 19, 1 số khu vực không triển khai được bán hàng do nhân viên bị fo, f1 khi xã hội vẫn đang theo đuổi chính sách zero covid nhưng khi chính phủ đã thay đổi thì mọi vướng mắc đã được giải quyết.

## NHỮNG NÉT NỔI BẬT TRONG KẾT QUẢ HĐSXKD CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2021

### Chỉ tiêu kết quả SXKD chủ yếu trong năm 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị	%KH năm 2021	TH năm 2021	TH 2020	% KH năm 2021	Tăng trưởng 2021/2020
Giá trị SXKD	Tỷ đồng	1007	1010	604	100%	167%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	1000	1001	596	100%	168%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	65.8	65.8	32.4	100%	203%
Cổ tức	%	20%	20%	5%	100%	400%

### Nguyên nhân của việc đạt/ không đạt kế hoạch?

- Để có được kết quả như trên doanh nghiệp vẫn tiếp tục thực hiện “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch, vừa lo sản xuất, kinh doanh.
- Đại dịch covid 19 đã làm thay đổi hành vi tiêu dùng của toàn xã hội. Do vậy đòi hỏi các doanh nghiệp phải linh hoạt và nhanh nhạy thích ứng với thay đổi đó. Đa số doanh nghiệp cho biết dịch COVID-19 đã ảnh hưởng tới việc tiếp cận khách hàng, đến dòng tiền và nhân công của họ thì đây lại là cơ hội của Bảo Ngọc.
- Bảo Ngọc đã ra mắt app “BNA mart” đúng thời điểm dịch chuyển xu hướng tiêu dùng từ truyền thống sang thương mại điện tử để tiếp cận khách hàng một cách nhanh nhất và thuận tiện nhất theo đúng xu thế chuyển đổi số.
- Việc các ngân hàng thương mại giảm lãi suất cho vay và BN cũng là doanh nghiệp được hưởng lợi từ chính sách này của chính phủ.
- Việc các doanh nghiệp phải cho người lao động nghỉ ở nhà cũng là cơ hội cho BN tuyển dụng và chiêu mộ nhân tài.
- Việc giãn cách xã hội, các cửa hàng ăn sáng đóng cửa cũng là cơ hội cho bánh BN được thâm nhập sâu hơn vào thị trường tiêu dùng.
- Bảo Ngọc đã biến tất cả những khó khăn trên thành cơ hội để phát triển bứt phá mạnh mẽ và tiếp tục phát huy trong thời gian tới.

## Những tiến bộ Công ty đã đạt được trong năm 2021 so với năm 2020

### Ứng biến linh hoạt trong đợt dịch covid 19:

- Ngay từ khi dịch bệnh covid 19 bắt đầu bùng phát, ban lãnh đạo Bảo Ngọc đã dự báo trước những khó khăn và nhanh chóng đưa ra những giải pháp ứng phó linh hoạt, phù hợp. Công ty đã mở rộng khuôn viên để tổ chức 3 tại chỗ cho CBCNV tại các nhà máy tạo điều kiện để tiếp tục thực hiện "mục tiêu kép" vừa phòng, chống dịch, vừa lo sản xuất, kinh doanh.
- Nhận thấy đại dịch COVID-19 làm thay đổi hành vi người tiêu dùng, Bảo Ngọc đã chuyển dịch kênh phân phối tập trung chủ yếu vào khối cơ quan xí nghiệp, thương mại điện tử và ứng dụng trên thiết bị di động. App "BNA mart" ra mắt đúng thời điểm dịch chuyển xu hướng tiêu dùng từ truyền thống sang thương mại điện tử để tiếp cận khách hàng một cách nhanh nhất và thuận tiện.
- Với chiến lược kịp thời và hiệu quả, Bảo Ngọc đã đưa được sản phẩm vào các tập đoàn đa quốc gia hàng đầu tại Việt Nam như Samsung, Yamaha...và luôn ở top 1 các trang thương mại điện tử hàng đầu Việt Nam cùng hàng trăm ngàn khách hàng đặt hàng qua ứng dụng.

### Tranh thủ tuyển dụng nhân tài khi các công ty đồng loạt đóng cửa vì dịch bệnh và xây dựng được chiến lược thu nhập cho cbcnv:

- Chiến lược ngắn hạn: gồm lương, thưởng tháng, quý và các chế độ phúc lợi như thưởng các ngày lễ, quốc tế lao động, quốc khánh,...
- Chiến lược dài hạn: Ngoài mức lương thì người lao động còn được thưởng năm, thưởng cổ phiếu, được đóng bảo hiểm nhân thọ,... Việc CBCNV được thưởng cổ phiếu giúp cho người lao động được làm chủ chính công ty mình đang làm việc, tạo động lực tăng trưởng và phát triển mạnh mẽ hơn.

### Tăng độ phủ:

- Năm 2020, hệ thống phân phối của Bảo Ngọc đã đạt 36.000 điểm bán toàn quốc qua kênh MT và GT.
- Năm 2021 Bảo Ngọc đã mở thêm được 8.000 điểm bán nữa, chủ yếu tập trung mở rộng khu vực phía nam và miền Trung. Đưa tổng số điểm bán lên 44.000 điểm bán và đưa thêm app BNA mart với vận hành. Hiện đã có hơn 10.000 người tải app và sử dụng.



### Ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý:

- Với thời đại công nghệ 4.0 thì chúng tôi cũng không đứng ngoài cuộc, chúng tôi đầu tư hệ thống DMS (phần mềm bán hàng hiện đại), hệ thống phần mềm ERP (quản trị doanh nghiệp), app "BNA mart", ... để tinh gọn bộ máy quản lý giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.



**Dự án triển khai ERP** là một nội dung quan trọng nằm trong lộ trình chuyển đổi số của doanh nghiệp, và "là bước đi cần thiết của Bảo Ngọc trong tương lai". Trên đà tăng trưởng hiện tại, Bảo Ngọc cần liên tục đổi mới để giữ nhịp phát triển, đồng thời việc triển khai hệ thống quản trị doanh nghiệp tổng thể sẽ tiếp sức để đơn vị có thể bứt phá trong thời gian tới. Dự án dự kiến được triển khai trong vòng 8 tháng với các giai đoạn cụ thể, cùng với đó là nhận được sự cam kết của lãnh đạo 2 bên để thống nhất đưa dự án cán đích đúng hạn.

### Tăng vốn để đầu tư nhà máy sản xuất miền trung

- Nhằm bổ sung vốn để đầu tư mở rộng sản xuất, Bảo Ngọc đã lên kế hoạch chào bán 8 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 1:1), qua đó tăng vốn điều lệ gấp đôi lên 160 tỷ đồng. Số vốn huy động được sẽ dùng để nâng cao năng lực sản xuất bao gồm mua sắm máy móc cho các nhà máy đang xây dựng/phát triển, mua đất để xây dựng nhà máy và bổ sung vốn lưu động.
- Bảo Ngọc đang tiến hành xây dựng nhà máy sản xuất miền Trung, đặt nền móng cho sự phát triển mới tại thị trường đầy tiềm năng với phân khúc bánh kẹo trung cấp. Nhà máy dự kiến được đưa vào hoạt động từ năm 2022 và sẽ sản xuất 3.000 tấn sản phẩm bánh tươi, đem về doanh thu 150 tỷ đồng vào năm 2022.
- Cùng với việc xây dựng nhà máy mới, Bảo Ngọc cũng đã nâng cấp nhà máy miền Bắc và miền Nam để tăng sản lượng trong năm 2021 và các năm tiếp theo. Cũng tại miền nam, nhà máy đã đầu tư thêm dây chuyền sản xuất bánh kishu- trao trọn yêu thương, bánh cookies hạt điều, bánh nougat trái cây,...với sản lượng 150 tấn/năm, có thể đem về hàng 1000 tỷ đồng doanh thu.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY

### Tình hình tài sản:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	% tăng giảm 2021/2020	Tỷ trọng 2021	Tỷ trọng 2020
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>409.796</b>	<b>136.582</b>	<b>300%</b>	<b>71%</b>	<b>43%</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.373	10.718	517%	10%	3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	362	362	100%	0%	0%
Các khoản phải thu ngắn hạn	138.641	44.131	314%	24%	14%
Hàng tồn kho	203.065	65.268	311%	35%	21%
Tài sản ngắn hạn khác	12.356	16.102	77%	2%	5%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>167.620</b>	<b>178.108</b>	<b>94%</b>	<b>29%</b>	<b>57%</b>
Các khoản phải thu dài hạn	50	45.000	0%	0%	14%
Tài sản cố định	141.710	131.090	108%	25%	42%
Tài sản dở dang dài hạn	4.554	24	18959%	1%	0%
Tài sản dài hạn khác	21.306	1.993	1069%	4%	1%
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>577.416</b>	<b>314.689</b>	<b>183%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

### Tổng tài sản tăng lên chủ yếu tăng tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn có xu hướng giảm vì:

- Doanh nghiệp đang trên đà phát triển, hàng của Bảo Ngọc là tiêu dùng nhanh, Bảo Ngọc làm từ khâu sản xuất đến khâu phân phối bán lẻ trong khi biến động hàng hóa thế giới năm 2021 rất mạnh, do vậy doanh nghiệp phải tăng vốn lưu động để đáp ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh được liên tục.
- Tài sản dài hạn có xu hướng giảm là do doanh nghiệp đã đầu tư nhà máy, máy móc thiết bị, hiện tại doanh nghiệp chủ yếu khai thác tài sản cố định.



### Tình hình nợ phải trả:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	% tăng giảm 2021/2020	Tỷ trọng 2021	Tỷ trọng 2020
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>194.218</b>	<b>154.645</b>	<b>126%</b>	<b>34%</b>	<b>49%</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	31.819	41.053	78%	6%	13%
Phải trả người lao động	3.549	4.421	80%	1%	1%
Chi phí phải trả ngắn hạn	165	-	-	0%	0%
Phải trả ngắn hạn khác	2.112	6.934	30%	0%	2%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	134.743	49.838	270%	23%	16%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	506	566	89%	0%	0%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>10.971</b>	<b>1.303</b>	<b>842%</b>	<b>2%</b>	<b>0%</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	10.971	1.303	842%	2%	0%
Tài sản dài hạn khác	21.306	1.993	1069%	4%	1%
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>205.188</b>	<b>155.949</b>	<b>132%</b>	<b>36%</b>	<b>50%</b>

### Nguồn vốn tăng lên 83% là do :

- Vay nợ ngắn hạn tăng nhẹ từ 155 tỷ lên 203 tỷ, vay nợ dài hạn tăng hơn 9 tỷ.
- Vốn chủ sở hữu tăng là do Bảo Ngọc thực hiện tăng vốn để đầu tư nhà máy miền trung để thực hiện hóa chiến lược là doanh nghiệp số 1 về bánh tươi.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY ( Tiếp)

### Những tiến bộ/cải tiến đạt được trong năm 2021

#### Về cơ cấu tổ chức:

- Xây dựng lại bộ máy tổ chức đặc biệt là sơ đồ điều hành
- Hoàn thành công tác tuyển dụng đặc biệt là các nhân sự cấp cao để hoàn thiện bộ máy tổ chức

#### Công tác quản lý:

- Liên tục đầu tư và cập nhật hệ thống DMS (phần mềm bán hàng hiện đại), hệ thống phần mềm ERP (quản trị doanh nghiệp), app "BNA mart", ... để tinh gọn bộ máy quản lý giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.
- Tuyển dụng những vị trí cấp cao như phó tổng giám đốc phụ trách kinh doanh, phó tổng giám đốc phụ trách sản xuất.

### Kế hoạch hoạt động trong năm 2022

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2022
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	1.311.574.430.971
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	1.302.969.324.333
Giá vốn hàng bán	Đồng	1.052.194.227.479
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	250.775.096.854
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Đồng	112.727.409.647
Lợi nhuận khác	Đồng	11.451.328
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	112.738.860.975
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	90.191.088.780

### Kế hoạch phát triển trong năm 2022

- 🎯 Năm 2022 và những năm tới, chúng ta tiếp tục xác định hành trình của Bảo Ngọc là hướng tới sự phát triển bền vững; Đẩy mạnh nâng cao chất lượng và hiệu quả trong kinh doanh, hiện thực hóa cải thiện các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và dòng tiền; Hướng tới là một cổ phiếu cơ bản của một doanh nghiệp kinh doanh cơ bản. Chúng ta phải đánh giá sát diễn biến thị trường và lường trước được những nguy cơ, thách thức cũng như những cơ hội mà Bảo Ngọc có thể nắm bắt. Với thực tế thị trường đang dịch chuyển theo xu hướng ngày càng đòi hỏi cao về uy tín, chất lượng, giá cả cạnh tranh cũng như sự đổi mới sáng tạo, đầu tư quy mô bài bản.... nên chiến lược đầu tư cũng như mọi sản phẩm dịch vụ của Bảo Ngọc sẽ phải hết sức hợp lý, phù hợp cao với thị trường để có thể cạnh tranh và phát triển. Định hướng phát triển của chúng ta cần tập trung vào các mục tiêu sau:
  - 🎯 Đầu tư đẩy mạnh, chuyên nghiệp hóa về quy mô và chiều sâu, đa dạng hóa sản phẩm, tận dụng ưu thế thương hiệu Bảo Ngọc có từ năm 1986 và năng lực sản xuất của các nhà cung cấp hàng đầu để xây dựng phát triển những mã hàng có khả năng cạnh tranh trên thị trường hàng bánh kẹo, dẫn phủ thị trường cả nước và cạnh tranh thị phần các sản phẩm thực phẩm cơ bản và thiết yếu; đi đầu phát triển các sản phẩm mới, công nghệ cao phục vụ những xu hướng tiêu dùng mới của thị trường Việt Nam với mục tiêu dẫn đầu những thị trường ngách trong ngành hàng thực phẩm. Cụ thể sẽ đẩy nhanh độ phủ thị trường các sản phẩm hiện có là các sản phẩm bánh khô, bánh tươi truyền thống; Mở rộng phát triển các sản phẩm mới về bánh tươi công nghiệp; Phấn đấu trong giai đoạn 2021 - 2022 sẽ có được Top 3 thị phần và doanh số bánh tươi toàn quốc, số 1 thị phần và doanh số bánh tươi miền bắc;
  - 🎯 Cùng với việc tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị điều hành, phát triển nhân lực và xây dựng hình ảnh thương hiệu uy tín, minh bạch, Bảo Ngọc xác định năm 2022 sẽ là năm phát triển bền vững và tăng trưởng ổn định, tạo dựng nền tảng kinh doanh cơ bản từ đó nâng cao giá trị doanh nghiệp, giá trị cổ phiếu Bảo Ngọc.



# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





## ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2021

Năm 2021 nền kinh tế nước ta diễn ra trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh và diễn biến khó lường trên phạm vi toàn cầu, ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới.



GDP năm 2021 của Việt Nam tăng 2,91% (Quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,69%; quý IV tăng 4,48%), tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, thì đây có thể coi là thành công lớn của Việt Nam.

GDP nền kinh tế suy giảm, thu nhập và sức mua của người tiêu dùng bị giảm sút ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ một số sản phẩm của Công ty. Tuy nhiên, ảnh hưởng này tương đối thấp do Công ty hoạt động trong lĩnh vực thực phẩm (sản phẩm bánh các loại), nhu cầu của người tiêu dùng đối với một hàng này tương đối ổn định qua các năm.



Năm 2021-2022 là một năm bản lề trong chiến lược phát triển dài hạn của Bảo Ngọc, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh với việc Bảo Ngọc chính thức đưa vào vận hành khai thác ổn định các hệ thống kinh doanh mới, bao gồm cung cấp bánh cho các chuỗi siêu thị và hệ thống phân phối. Công ty đã ghi nhận tăng trưởng vượt bậc cả về doanh thu và lợi nhuận.



### Một số chỉ tiêu cơ bản thực hiện năm 2021 so với năm 2020:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020		Thực hiện 2021		Tỷ trọng TH 2021/2020	
	Cty mẹ	Hợp nhất	Cty mẹ	Hợp nhất	Cty mẹ	Hợp nhất
Vốn điều lệ	80.000	80.000	199.999	199.999	250%	250%
Điều lệ bình quân	80.000	80.000	100.000	100.000	125%	125%
Tổng doanh thu	399.829	597.343	861.461	1.004.256	215%	168,1%
Chi phí	364.147	557.145	780.370	921.691	214,3%	165,4%
Lợi nhuận trước thuế	35.682	40.198	81.090	82.564	227,3%	205,4%
Tỷ suất LN/VDL	0,45	0,50	0,41	0,41	90,9%	82,2%
Tỷ suất LN/VDL bình quân	0,45	0,50	0,58	0,59	129,9%	117,4%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	5%	5%	50%	50%	10%	10%

- Về doanh thu** : Năm 2021 Bảo Ngọc đạt tổng doanh thu hợp nhất là 1.004.256 triệu đồng, tăng 168,1% so với năm 2020. Việc doanh thu năm 2021 đạt cao so với doanh thu năm 2020 là do:
  - Công ty nắm được nhu cầu thị trường, Công ty không ngừng nghiên cứu, cải tiến chất lượng sản phẩm cũng như đưa ra các sản phẩm mới ra thị trường. Các dòng sản phẩm bánh mì, bánh khô (bánh hộp Công ty sản xuất và nhập khẩu), bánh trung thu, sết quà tết, ... được thị trường đón nhận tích cực.
  - Công ty cũng chú trọng phát triển kênh phân phối, đưa ra các chính sách phù hợp trong điều kiện thị trường cạnh tranh gay gắt, đồng thời công tác marketing được Công ty quan tâm, thực hiện tốt.
  - Các yếu tố thuận lợi của ngành bánh kẹo kết hợp với chính sách của Công ty với khách hàng, nhà cung cấp, đối tác phát huy hiệu quả là những yếu tố chính tạo nên mức tăng trưởng tích cực trong các năm qua.
- Về lợi nhuận** : Năm 2021 Bảo Ngọc đạt tổng lợi nhuận hợp nhất trước thuế là 82,564 tỷ đồng, tăng 205,4% so với năm 2020. Đạt được lợi nhuận cao vượt bậc so với năm 2020 là do Công ty đã chú trọng đẩy mạnh phát triển doanh số, đồng thời cắt giảm các khoản chi phí.

## HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

### Tổ chức họp định kỳ và bất thường

Trong năm 2021, HĐQT tiến hành 24 cuộc họp, ban hành 24 nghị quyết, quyết định nhằm triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2021, chủ yếu là các vấn đề quan trọng phục vụ kịp thời công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển và công tác tài chính, chi phí và các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Ngoài các phiên họp định kỳ, HĐQT còn thường xuyên giao ban công việc hàng tuần, hàng tháng để kiểm tra, đánh giá công việc của Hội đồng quản trị và giám sát công tác điều hành. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên.

### Công tác chỉ đạo và giám sát thực hiện kế hoạch kinh doanh

Hội đồng quản trị đã thường trực bám sát hoạt động hàng ngày và trên các lĩnh vực, địa bàn hoạt động của Công ty, trực tiếp chỉ đạo giám sát Ban điều hành và cán bộ quản lý triển khai thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT trong các hoạt động sản xuất kinh doanh; định hướng chiến lược phát triển các dự án; chỉ đạo giám sát công tác huy động, quản lý và sử dụng nguồn vốn, quản lý chi phí; công tác đầu tư xây dựng,.... Các thành viên HĐQT thường xuyên làm việc thường trực hầu hết thời gian tại Công ty, trực tiếp giải quyết kịp thời nhiều công việc cấp bách, quan trọng trong tất cả các mảng hoạt động.

### Công tác triển khai, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021

Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

### Công tác giám sát đối với Ban Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý:

Năm 2021, HĐQT Bảo Ngọc tiếp tục sát cánh với Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động thường xuyên của Công ty để phối hợp, hỗ trợ, giám sát, đôn đốc các hoạt động SXKD, kịp thời chỉ đạo giải quyết mọi vấn đề quan trọng phát sinh. Trong năm qua, Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong công tác điều hành, trực tiếp triển khai thực hiện quyết liệt và nghiêm túc các định hướng chiến lược của ĐHĐCĐ và các chỉ đạo của HĐQT, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy chế quy định, các nguyên tắc hoạt động trong công tác quản lý tài chính, quản lý dự án, đầu tư, bán hàng, chi phí, tổ chức nhân sự.... Trong năm 2021, Ban Tổng giám đốc đã có sự đóng góp quan trọng và quyết định trong kết quả kinh doanh và tăng trưởng cao của Công ty. Tuy nhiên trong bối cảnh mới nhiều thách thức của năm 2021 và trước những yêu cầu phát triển mới hết sức nặng nề, Ban Tổng giám đốc vẫn cần phải bổ sung tăng cường nhân lực chất lượng, hoàn thiện và nâng cao khả năng chuyên môn, chủ động sáng tạo và tăng cường sâu sát thị trường, cải thiện hơn nữa hiệu quả, tiến độ, năng suất lao động trong công tác quản lý điều hành doanh nghiệp, tiếp tục duy trì phát huy những mặt được của năm 2020, quyết tâm và nỗ lực nhiều hơn nữa để thực hiện tốt các chiến lược, mục tiêu và các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh mà ĐHĐCĐ, HĐQT giao phó.



## ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2022

Năm 2022 và những năm tới, chúng ta tiếp tục xác định hành trình của Bảo Ngọc là hướng tới sự phát triển bền vững; Đẩy mạnh nâng cao chất lượng và hiệu quả trong kinh doanh, hiện thực hóa cải thiện các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và dòng tiền; Hướng tới là một cổ phiếu cơ bản của một doanh nghiệp kinh doanh cơ bản. Chúng ta phải đánh giá sát diễn biến thị trường và lường trước được những nguy cơ, thách thức cũng như những cơ hội mà Bảo Ngọc có thể nắm bắt. Với thực tế thị trường đang dịch chuyển theo xu hướng ngày càng đòi hỏi cao về uy tín, chất lượng, giá cả cạnh tranh cũng như sự đổi mới sáng tạo, đầu tư quy mô bài bản..., nên chiến lược đầu tư cũng như mọi sản phẩm dịch vụ của Bảo Ngọc sẽ phải hết sức hợp lý, phù hợp cao với thị trường để có thể cạnh tranh và phát triển. Định hướng phát triển của chúng ta cần tập trung vào các mục tiêu sau:

● Đầu tư đẩy mạnh, chuyên nghiệp hóa về quy mô và chiều sâu, đa dạng hóa sản phẩm, tận dụng ưu thế thương hiệu Bảo Ngọc có từ năm 1986 và năng lực sản xuất của các nhà cung cấp hàng đầu để xây dựng phát triển những mã hàng có khả năng cạnh tranh trên thị trường hàng bánh kẹo, dẫn phủ thị trường cả nước và cạnh tranh thị phần các sản phẩm thực phẩm cơ bản và thiết yếu; đi đầu phát triển các sản phẩm mới, công nghệ cao phục vụ những xu hướng tiêu dùng mới của thị trường Việt Nam với mục tiêu dẫn đầu những thị trường ngách trong ngành hàng thực phẩm. Cụ thể sẽ đẩy nhanh độ phủ thị trường các sản phẩm hiện có là các sản phẩm bánh khô, bánh tươi truyền thống; Mở rộng phát triển các sản phẩm mới về bánh tươi công nghiệp; Phấn đấu trong giai đoạn 2021 - 2022 sẽ có được thị phần top 3 thị phần và doanh số bánh tươi toàn quốc, số 1 thị phần và doanh số bánh tươi miền bắc.

● Cùng với việc tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị điều hành, phát triển nhân lực và xây dựng hình ảnh thương hiệu uy tín, minh bạch, Bảo Ngọc xác định năm 2021 sẽ là năm phát triển bền vững và tăng trưởng ổn định, tạo dựng nền tảng kinh doanh cơ bản từ đó nâng cao giá trị doanh nghiệp, giá trị cổ phiếu Bảo Ngọc.

## CÁC NỘI DUNG TRÌNH ĐHĐCĐ 2022 XIN BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

**Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung dưới đây:**

### 1. Định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển năm 2022:

- Nội dung nêu tại mục III của Báo cáo này.
- Kính đề nghị ĐHĐCĐ thông qua các nội dung định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển năm 2022 nêu trên đồng thời ủy quyền cho HĐQT chủ động tổ chức các giải pháp triển khai thực hiện phù hợp, đảm bảo an toàn và hiệu quả cho Công ty.

### 2. Về thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2022:

#### ● Về thù lao của HĐQT năm 2022:

- + Chủ tịch HĐQT : 180.000.000 đồng/năm
- + Thành viên HĐQT : 96.000.000 đồng/năm/người

#### ● Về thù lao của Ban kiểm soát năm 2022:

- + Trưởng ban : 72.000.000 đồng/năm
- + Thành viên : 60.000.000 đồng/năm/người

#### ● Về thưởng vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2022:

Việc thưởng vượt kế hoạch kinh doanh của HĐQT và Ban Điều hành năm 2022 chỉ được xem xét, thực hiện trong trường hợp đạt trên 100% kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua. Mức thưởng tối đa là 20% tính trên phần lợi nhuận vượt kế hoạch và ủy quyền cho HĐQT xem xét, quyết định trong phạm vi trình.

#### ● Đối với kinh phí hoạt động hàng năm của HĐQT và Ban Kiểm soát:

Công ty sẽ thực hiện trong tổng mức kinh phí hoạt động chung theo tình hình hoạt động thực tế cần thiết phát sinh và trình ĐHĐCĐ thường niên kỳ tới xem xét thông qua quyết toán.



# QUẢN TRỊ CÔNG TY



## HOẠT ĐỘNG BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Trần Xuân Vinh	Thành viên
3	Ông Phạm Thế Hưng	Thành viên
4	Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên
5	Ông Đặng Minh Quang	Thành viên

### Thay đổi thành viên HĐQT

Công ty không có thay đổi thành viên HĐQT trong năm

### Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Lê Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	24/24	100%
2	Ông Trần Xuân Vinh	Thành viên	24/24	100%
3	Ông Phạm Thế Hưng	Thành viên	24/24	100%
4	Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên	24/24	100%
5	Ông Đặng Minh Quang	Thành viên	24/24	100%



## Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2021

STT	Số công văn	Ngày ban hành	Nội dung
01	01/2021/NQ-ĐHĐCĐ	02/02/2021	- Thông qua hủy bỏ phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 80 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng - Thông qua phương án tăng vốn điều lệ công ty
02	02/2021/NQ-HĐQT	01/02/2021	- Thông qua quyết định vay vốn tại Wooribank Việt Nam- chi nhánh Bắc Ninh. - Thông qua quyết định đề ông Lê Đức Thuấn đứng ra Bảo lãnh để bảo đảm nghĩa vụ tín dụng của Công ty. - Ủy quyền và giao nhiệm vụ cho ông Lê Đức Thuấn - Chủ tịch HĐQT.
03	03/2021/NQ-HĐQT	02/02/2021	- Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc đối với ông Phạm Thế Hưng
04	04/2021/NQ-HĐQT	02/02/2021	Thông qua việc bổ nhiệm ông Vũ Đức Lợi giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc kể từ ngày 02/02/2021
05	06/2021/NQ-HĐQT	17/03/2021	- Thông nhất thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021; Nội dung dự kiến trình ĐHĐCĐ; Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông
06	07/2021/NQ-HĐQT	24/03/2021	- NQ Thành lập chi nhánh Miền Trung - Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Sản Xuất Bảo Ngọc
07	08/2021/NQ-HĐQT	02/04/2021	- NQ Thông qua triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty
08	09/2021/NQ-HĐQT	02/04/2021	- NQ Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán ra công chúng
09	10/2021/NQ-HĐQT	02/04/2021	- NQ về việc triển khai niêm yết cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán
10	11/2021/NQ-HĐQT	31/05/2021	- Thông qua triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.
11	12/2021/NQ-HĐQT	01/07/2021	- Thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết, phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

STT	Số công văn	Ngày ban hành	Nội dung
12	13/2021/NQ-HĐQT	16/07/2021	- Thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết nguồn vốn thu được từ đợt chào bán.
13	14/2021/NQ-HĐQT	16/07/2021	- Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng
14	15/2021/NQ-HĐQT	08/09/2021	- Thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2020
15	16/2021/NQ-HĐQT	27/09/2021	- Thông qua ngày đăng ký cuối cùng chi trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu
16	17/2021/NQ-HĐQT	27/09/2021	- Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện nhận cổ phiếu BNA phát hành thêm để tang vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
17	18/2021/NQ-HĐQT	27/09/2021	- Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu.
18	19/2021/NQ-HĐQT	18/10/2021	- Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, cổ phiếu thưởng
19	20/2021/NQ-HĐQT	25/10/2021	- Thông qua việc tăng vốn điều lệ Công ty sau đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu.
20	21/2021/NQ-HĐQT	17/11/2021	- Thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không đặt mua hết của đợt chào bán cổ ra công chúng năm 2021
21	22/2021/NQ-HĐQT	01/12/2021	- Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty đối với ông Nguyễn Xuân Trường
22	23/2021/NQ-HĐQT	03/12/2021	- Thông qua việc tăng vốn điều lệ Công ty sau đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỉ lệ hiện quyền 1:1 và sửa đổi Điều lệ.
23	24/2021/NQ-HĐQT	16/12/2021	- Thông qua bổ nhiệm ông Đỗ Quang Phong phụ trách kế toán công ty



## HOẠT ĐỘNG BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY (Tiếp)

### **BAN KIỂM SOÁT**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Khổng Thị Oanh	Trưởng Ban
2	Bà Lê Thị Thanh Huyền	Thành viên
3	Bà Nguyễn Thị Thu Quyên	Thành viên

#### Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Số buổi tham sự họp	Tỷ lệ họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Khổng Thị Oanh	4/4	100%	100%
2	Bà Lê Thị Thanh Huyền	4/4	100%	100%
3	Bà Nguyễn Thị Thu Quyên	4/4	100%	100%

#### Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT

- Hội đồng quản trị họp định kỳ hàng quý, họp bất thường khi cần thiết do Chủ tịch HĐQT chủ trì.
- Hội đồng quản trị đã và đang tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện NQ của Đại hội đồng cổ đông.
- Các cuộc họp HĐQT có mời BKS tham dự
- Thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo đúng quy định

#### Hoạt động giám sát của BKS đối với Ban Tổng giám đốc

- Trong năm 2021, Ban Tổng Giám đốc công ty đã thực hiện nhiều giải pháp, tổ chức triển khai nhiều chương trình hành động, phát động nhiều phong trào thi đua, huy động mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo điều hành một cách quyết liệt nhằm tối ưu quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng và chiếm lĩnh thị trường, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực và tài sản, tiết kiệm chi phí, giúp công ty tăng trưởng và phát triển mạnh, bền vững.



## Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan nội bộ

STT	Người thực hiện GD	Chức vụ/ MQH với NNB	Số cổ phiếu SHĐK		Số cổ phiếu SHCK		Lý do thay đổi
			Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)	
<b>I. Người nội bộ</b>							
1	Lê Đức Thuận	CT HĐQT	2.885.036	36,06	7.212.589	36,06	TH quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 1:1, và nhận cổ tức bằng cổ phiếu
2	Nguyễn Trung Hiếu	TV HĐQT	6.000	0,075	15.000	0,075	TH quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 1:1, và nhận cổ tức bằng cổ phiếu
3	Trần Xuân Vinh	TV HĐQT	100.000	1,25	250.000	1,25	TH quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 1:1, và nhận cổ tức bằng cổ phiếu
4	Phạm Thế Hưng	TV HĐQT	12.500	0,156	31.250	0,156	TH quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 1:1, và nhận cổ tức bằng cổ phiếu
5	Lê Thị Thanh Huyền	TV BKS	1.690	0,021	4.225	0,021	TH quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 1:1, và nhận cổ tức bằng cổ phiếu
6	Nguyễn Thị Thu Quyên	TV BKS	250	0,003	625	0,003	TH quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 1:1, và nhận cổ tức bằng cổ phiếu
7	Khổng Thị Oanh	Trưởng BKS	348.400	4,355	435.500	2,187	TH quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 1:1, và nhận cổ tức bằng cổ phiếu, tiêu dùng cá nhân
8	Nguyễn Xuân Trường	Kế toán trưởng	6.400	0,08	16.000	0,08	TH quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 1:1, và nhận cổ tức bằng cổ phiếu

STT	Người thực hiện GD	Chức vụ/ MQH với NNB	Số cổ phiếu SHĐK		Số cổ phiếu SHCK		Lý do thay đổi
			Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)	
<b>II. Người có liên quan của Ông Lê Đức Thuận, chủ tịch HĐQT</b>							
1	Công ty Cổ phần Á Long	Chủ tịch HĐQT CTCP Á Long là ông Lê Đức Thuận	2.885.036	36,06	1.881.250	9,41	TH quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 1:1, và nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cơ cấu danh mục đầu tư
2	Lê Thu Huyền	Vợ ông Lê Đức Thuận	392.000	4,90	0	0	Tiêu dùng cá nhân
<b>III. Người có liên quan của Bà Khổng Thị Oanh, Trưởng Ban kiểm soát</b>							
1	Khổng Minh Tiến	Anh trai bà Khổng Thị Oanh	392.000	4,90	0	0	Tiêu dùng cá nhân

### Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

Thù lao theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên hàng năm





**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

### NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05-35
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-35

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105950129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Đức Thuận	Chủ tịch
Ông Trần Xuân Vinh	Thành viên
Ông Phạm Thế Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên
Ông Đặng Minh Quang	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Đức Lợi	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/01/2022
Ông Trần Xuân Vinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/01/2022

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Khổng Thị Oanh	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thanh Huyền	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Quyên	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Lê Đức Thuận**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2022



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam  
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình  
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam  
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588  
Fax: (+84 24) 3868 6248  
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 354 /BCKT/TC/NV8

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc được lập ngày 18 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Nguyễn Bảo Trung  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0373-2018-126-1

Trần Thị Chúc  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 3278-2020-126-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>409.796.171.097</b>	<b>136.581.556.875</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>55.372.815.774</b>	<b>10.717.816.844</b>
111	1. Tiền		55.372.815.774	10.717.816.844
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>362.000.000</b>	<b>362.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		362.000.000	362.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>138.641.247.932</b>	<b>44.131.451.883</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	53.355.278.810	36.498.793.771
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	85.166.908.792	7.532.955.112
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	119.060.330	99.703.000
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>203.064.528.258</b>	<b>65.267.810.884</b>
141	1. Hàng tồn kho		203.064.528.258	65.267.810.884
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>12.355.579.133</b>	<b>16.102.477.264</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	8.493.246.118	9.878.335.614
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.862.333.015	6.224.141.650
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>167.620.040.966</b>	<b>178.107.722.867</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>50.000.000</b>	<b>45.000.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	50.000.000	45.000.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>141.710.238.433</b>	<b>131.090.397.473</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	139.948.962.169	129.077.931.639
222	- Nguyên giá		192.661.882.353	166.078.530.435
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(52.712.920.184)	(37.000.598.796)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	716.145.834	963.645.834
225	- Nguyên giá		990.000.000	990.000.000
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(273.854.166)	(26.354.166)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	1.045.130.430	1.048.820.000
228	- Nguyên giá		1.423.580.000	1.048.820.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(378.449.570)	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>9</b>	<b>4.554.069.667</b>	<b>24.020.705</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.554.069.667	24.020.705
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>21.305.732.866</b>	<b>1.993.304.689</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	17.479.618.798	1.575.346.753
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28	3.751.932.796	80.941.275
269	3. Lợi thế thương mại		74.181.272	337.016.661
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>577.416.212.063</b>	<b>314.689.279.742</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>205.188.409.002</b>	<b>155.948.533.758</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>194.217.563.502</b>	<b>154.645.358.428</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	31.818.814.057	41.053.388.627
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	1.541.894.543	40.838.036.945
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	19.781.834.229	10.994.439.971
314	4. Phải trả người lao động		3.549.307.888	4.421.318.818
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		165.000.000	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	2.111.978.547	6.934.200.071
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	134.742.642.938	49.837.882.696
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		506.091.300	566.091.300
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>10.970.845.500</b>	<b>1.303.175.330</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	10.970.845.500	1.303.175.330
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>372.227.803.061</b>	<b>158.740.745.984</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>372.227.803.061</b>	<b>158.740.745.984</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		199.999.890.000	80.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		199.999.890.000	80.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		79.813.400.000	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		1.698.273.899	1.698.273.899
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		84.274.946.843	66.056.981.529
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		22.637.556.937	34.217.903.090
421b	LNST chưa phân phối năm nay		61.637.389.906	31.839.078.439
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		6.441.292.319	10.985.490.556
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>577.416.212.063</b>	<b>314.689.279.742</b>


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.010.932.811.342	604.302.725.845
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	9.557.417.327	7.441.879.911
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.001.375.394.015	596.860.845.934
11	4. Giá vốn hàng bán	22	846.878.309.462	512.125.889.576
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		154.497.084.553	84.734.956.358
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	2.800.087.134	321.193.115
22	7. Chi phí tài chính	24	8.659.777.603	3.214.350.349
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		8.423.725.153	3.203.949.056
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	25	44.615.063.501	22.422.864.998
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20.831.394.735	18.936.635.440
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		83.190.935.848	40.482.298.686
31	12. Thu nhập khác		80.708.886	161.734.363
32	13. Chi phí khác		707.138.492	445.881.319
40	14. Lợi nhuận khác		(626.429.606)	(284.146.956)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		82.564.506.242	40.198.151.730
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	20.464.937.115	7.794.789.831
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	28	(3.751.932.796)	36.588.038
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		65.851.501.923	32.366.773.861
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		63.173.154.554	31.839.078.439
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		2.678.347.369	527.695.422
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	6.915	4.046


  
Lại Thị Thu Hà  
Người lập

  
Đỗ Quang Phong  
Kế toán trưởng

  
Lê Đức Thuận  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2022

  
Lại Thị Thu Hà  
Người lập

  
Đỗ Quang Phong  
Kế toán trưởng

  
Lê Đức Thuận  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		82.564.506.242	40.198.151.730
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		16.509.769.587	11.474.795.335
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		13.955.988	6.520.001
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.781.667.189)	(321.193.115)
06	- Chi phí lãi vay		8.423.725.153	3.196.177.030
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		104.730.289.781	54.554.450.981
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(31.600.365.967)	(49.261.601.312)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(137.796.717.374)	(43.911.525.884)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(57.338.663.918)	75.432.817.384
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(14.519.182.549)	(6.833.858.985)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.423.725.153)	(3.196.177.030)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.702.995.560)	(2.956.699.028)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(152.651.360.740)	23.827.406.126
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(114.274.525.985)	(40.962.241.471)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	100.454.538
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		50.100.000.000	-
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	10.500.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.781.667.189	321.193.115
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(61.392.858.796)	(30.040.593.818)
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		159.998.900.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		276.318.256.274	97.579.802.162
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(181.443.445.280)	(85.535.951.420)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		3.825.507.472	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		258.699.218.466	12.043.850.742

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		44.654.998.930	5.830.663.050
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		10.717.816.844	4.893.673.795
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(6.520.001)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	55.372.815.774	10.717.816.844


Lại Thị Thu Hà  
Người lậpĐỗ Quang Phong  
Kế toán trưởngLê Đức Thuận  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2021

**1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105950129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 199.999.890.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 199.999.890.000 đồng; tương đương 19.999.989 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các loại bánh.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất các loại bánh từ bột, sản xuất đường, cacao, sô cô la và mút kẹo;
- Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Bán buôn gạo, bán buôn thực phẩm, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Bán lẻ khác trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

**Cấu trúc Tập đoàn**

- Các công ty con sở hữu trực tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Chế biến Nông Sản Thực phẩm Hồng Hà	Hà Nội	90,00%	90,00%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc miền Nam	TP.Hồ Chí Minh	96,72%	96,72%	Sản xuất bánh kẹo

- Công ty con sở hữu gián tiếp đã thanh lý trong năm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam	Bình Phước	49,33%	51,00%	Sản xuất và xuất khẩu hạt điều

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát: Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

**2.4 . Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

**2.6 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**2.7 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**2.8 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**2.9 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 44 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm

**2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.16 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt

**2.17 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.19 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.20 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.21 . Thuế**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại:

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**2.22 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.23 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.24 . Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	9.971.979.083	6.175.452.168
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	45.400.836.691	4.542.364.676
	<b>55.372.815.774</b>	<b>10.717.816.844</b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	362.000.000	-	362.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	362.000.000	-	362.000.000	-
	<b>362.000.000</b>	<b>-</b>	<b>362.000.000</b>	<b>-</b>

Tại 31/12/2021, khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng giá trị 362.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội với lãi suất 7,2%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Chi nhánh Hà Nội - Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	1.628.100.121	-	1.250.159.108	-
Chi nhánh TP HCM - Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	1.875.434.272	-	662.747.892	-
Công ty CP Create Capital Việt Nam	-	-	3.064.113.530	-
Beltamozhiliya Ltd	-	-	10.375.490.036	-
Anwar Trades	-	-	5.006.358.000	-
Công ty CP Thương mại Bách Hóa Xanh	218.091.997	-	1.398.402.713	-
Phải thu khác	49.633.652.420	-	14.741.522.492	-
	<b>53.355.278.810</b>	<b>-</b>	<b>36.498.793.771</b>	<b>-</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Thương mại - Chợ truyền thống Việt Nam	34.002.250.000	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hướng Dương Milk Tea Fresh	6.001.072.500	-	-	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Bảo An	30.741.479.000	-	3.619.802.500	-
Công ty CP ABG Việt Nam	3.978.942.500	-	-	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Dĩnh Điền	3.000.000.000	-	-	-
Cơ sở sản xuất Bình Chung	1.015.000.000	-	1.015.000.000	-
Trả trước khác	6.428.164.792	-	2.898.152.612	-
	<b>85.166.908.792</b>	<b>-</b>	<b>7.532.955.112</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	27.000.000	-	27.000.000	-
Phải thu khác	92.060.330	-	72.703.000	-
	<b>119.060.330</b>	<b>-</b>	<b>99.703.000</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	50.000.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư - Phát triển Công Nghệ - Thiết kế Việt Nam	-	-	45.000.000.000	-
	<b>50.000.000</b>	<b>-</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>-</b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	100.059.509.235	-	42.654.617.278	-
Công cụ, dụng cụ	488.451.091	-	334.718.191	-
Thành phẩm	96.188.967.247	-	936.461.696	-
Hàng hoá	6.327.600.685	-	21.342.013.719	-
	<b>203.064.528.258</b>	<b>-</b>	<b>65.267.810.884</b>	<b>-</b>

**9 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	4.554.069.667	24.020.705
Dự án phần mềm SAP	4.055.416.667	-
Sửa chữa sản văn phòng	331.085.000	24.020.705
Thiết kế Website	167.568.000	-
	<b>4.554.069.667</b>	<b>24.020.705</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	65.026.900.303	92.201.109.224	7.494.636.363	1.055.454.545	300.430.000	166.078.530.435						
Mua trong năm	-	25.588.023.704	-	62.495.455	-	25.650.519.159						
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.299.131.850	-	604.610.000	-	-	1.903.741.850						
Giảm khác	-	-	(970.909.091)	-	-	(970.909.091)						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>66.326.032.153</b>	<b>117.789.132.928</b>	<b>7.128.337.272</b>	<b>1.117.950.000</b>	<b>300.430.000</b>	<b>192.661.882.353</b>						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	21.224.157.864	12.788.359.659	2.589.706.014	261.768.957	136.606.302	37.000.598.796						
Khấu hao trong năm	6.393.435.431	8.238.662.908	1.003.068.947	183.062.750	50.254.592	15.868.484.628						
Giảm khác	-	-	(156.163.240)	-	-	(156.163.240)						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>27.617.593.295</b>	<b>21.027.022.567</b>	<b>3.436.611.721</b>	<b>444.831.707</b>	<b>186.860.894</b>	<b>52.712.920.184</b>						
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	43.802.742.439	79.412.749.565	4.904.930.349	793.685.588	163.823.698	129.077.931.639						
Tại ngày cuối năm	<b>38.708.438.858</b>	<b>96.762.110.361</b>	<b>3.691.725.551</b>	<b>673.118.293</b>	<b>113.569.106</b>	<b>139.948.962.169</b>						

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Tài sản cố định thuê tài chính là 02 máy móc, thiết bị có tổng nguyên giá là 990.000.0000 đồng, số khấu hao trong kỳ là 247.500.000 đồng, khấu hao lũy kế là 273.854.166 đồng.

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	1.048.820.000	1.048.820.000
Mua trong năm	374.760.000	374.760.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.423.580.000</b>	<b>1.423.580.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	378.449.570	378.449.570
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>378.449.570</b>	<b>378.449.570</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	1.048.820.000	1.048.820.000
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>1.045.130.430</b>	<b>1.045.130.430</b>

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.207.626.697	1.742.879.444
Chi phí bảo hiểm	41.756.068	97.701.853
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	4.869.405.196	7.874.483.055
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	374.458.157	163.271.262
	<b>8.493.246.118</b>	<b>9.878.335.614</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.205.428.919	1.304.383.158
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	75.933.119	250.986.880
Chi phí thuê đất	14.806.693.616	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.391.563.144	19.976.715
	<b>17.479.618.798</b>	<b>1.575.346.753</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hà Lan	3.781.596.993	3.781.596.993	9.472.216.637	9.472.216.637
Công ty TNHH CJ FOODS Việt Nam	1.383.981.500	1.383.981.500	2.971.045.500	2.971.045.500
Công ty CP Đầu tư Sản xuất và Thương mại Tiến Nhân	2.142.833.000	2.142.833.000	-	-
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Hạ Tầng	2.587.750.000	2.587.750.000	-	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp	-	-	6.405.779.490	6.405.779.490
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Thế Hoài	-	-	2.979.147.200	2.979.147.200
Công ty TNHH Phát triển Thương mại Huy Long	2.763.750.000	2.763.750.000	-	-
Phải trả khác	19.158.902.564	19.158.902.564	19.225.199.800	19.225.199.800
	<b>31.818.814.057</b>	<b>31.818.814.057</b>	<b>41.053.388.627</b>	<b>41.053.388.627</b>
<b>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
	-	-	-	<b>358.750</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

**15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hướng Dương Milk Tea Fresh	-	1.032.935.500
R&D Pathan Trading Limiter Partnership	-	2.175.575.832
Ali Sulaiman Alshehri Trading Co	-	1.487.793.347
Công ty TNHH Sản xuất Hoàng Châu	-	1.300.010.000
Trả trước khác	1.541.894.543	34.841.722.266
	<b>1.541.894.543</b>	<b>40.838.036.945</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.995.879.604	2.052.574.770	5.048.454.374	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	1.588.174.464	1.588.174.464	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	7.890.218.007	19.594.611.782	7.702.995.560	-	-	-	-	-	19.781.834.229
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	108.342.360	177.756.390	286.098.750	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	14.000.000	14.000.000	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	539.034.539	539.034.539	-	-	-	-	-	-
	-	<b>10.994.439.971</b>	<b>23.966.151.945</b>	<b>15.178.757.687</b>	-	-	-	-	-	<b>19.781.834.229</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	102.984.095	337.325.950
Bảo hiểm y tế	19.552.603	32.898.996
Bảo hiểm thất nghiệp	4.029.071	14.621.776
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	174.492.528	-
Ngô Thành Nam	-	6.500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.810.920.250	49.353.349
	<b>2.111.978.547</b>	<b>6.934.200.071</b>

22

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn Ngân hàng</b>	<b>39.761.990.666</b>	<b>39.761.990.666</b>	<b>364.193.898.697</b>	<b>273.816.915.665</b>	<b>130.138.973.698</b>	<b>130.138.973.698</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	33.218.339.981	33.218.339.981	158.585.322.056	140.650.801.239	51.152.860.798	51.152.860.798
- Ngân hàng TMCP Quân đội	994.409.501	994.409.501	995.980.186	1.990.389.687	-	-
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	329.722.178	329.722.178	-	329.722.178	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	2.997.222.006	2.997.222.006	-	2.997.222.006	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.222.297.000	2.222.297.000	148.346.349.831	71.582.533.931	78.986.112.900	78.986.112.900
- Ngân hàng TMCP MTV Woori Việt Nam	-	-	56.266.246.624	56.266.246.624	-	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>10.075.892.030</b>	<b>10.075.892.030</b>	<b>4.603.669.240</b>	<b>10.075.892.030</b>	<b>4.603.669.240</b>	<b>4.603.669.240</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	7.864.755.030	7.864.755.030	-	7.864.755.030	-	-
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	151.200.000	151.200.000	151.200.000	151.200.000	151.200.000	151.200.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	1.768.542.000	1.768.542.000	1.768.542.000	1.768.542.000	1.768.542.000	1.768.542.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	291.395.000	291.395.000	-	291.395.000	-	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	2.683.927.240	-	2.683.927.240	2.683.927.240
	<b>49.837.882.696</b>	<b>49.837.882.696</b>	<b>368.797.567.937</b>	<b>283.892.807.695</b>	<b>134.742.642.938</b>	<b>134.742.642.938</b>
<b>b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	5.291.274.860	5.291.274.860	1.266.923.240	5.928.274.860	629.923.240	629.923.240
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	-	111.921.000.000	882.000.000	11.039.000.000	11.039.000.000
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	593.800.000	593.800.000	-	151.200.000	442.600.000	442.600.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	4.285.654.500	4.285.654.500	-	1.768.542.000	2.517.112.500	2.517.112.500
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	-	-	429.000.000	78.650.000	350.350.000	350.350.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	408.605.000	408.605.000	-	408.605.000	-	-
- Nợ thuế tài chính dài hạn	799.733.000	799.733.000	-	204.204.000	595.529.000	595.529.000
	<b>11.379.067.360</b>	<b>11.379.067.360</b>	<b>13.616.923.240</b>	<b>9.421.475.860</b>	<b>15.574.514.740</b>	<b>15.574.514.740</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	10.075.892.030	10.075.892.030	4.603.669.240	10.075.892.030	4.603.669.240	4.603.669.240
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>1.303.175.330</b>	<b>1.303.175.330</b>			<b>10.970.845.500</b>	<b>10.970.845.500</b>

23

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/12/2021	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
Đơn vị tính: VND								
I	Vay ngắn hạn							
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Hợp đồng cho vay hạn mức số 386-03/2021- HĐCVHM/NHCT131-BN ngày 10 tháng 11 năm 2021.	40.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ	Quy định trong từng giấy nhận nợ	51.152.860.798 17.843.612.620	51.152.860.798 17.843.612.620	Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 1263 19, quyền số 01 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 08/03/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung đi kèm. - Các hợp đồng thế chấp tài sản khác
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 111/2021- HĐCVHM/NHCT131-HONGHA ngày 06 tháng 04 năm 2021.	34.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ	Quy định trong từng giấy nhận nợ	33.309.248.178	33.309.248.178	Hợp đồng thế chấp tài sản số 172/2021/HĐBĐ/NHCT131- HONGHA ngày 25/05/2021
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021/CVHM/VCBHN-BN ngày 01 tháng 06 năm 2021	62.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	5 tháng kể từ ngày giải ngân	Quy định trong từng giấy nhận nợ	78.986.112.900 61.986.112.900	78.986.112.900 61.986.112.900	Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 628 và số 629 tại địa chỉ phường Long Phước, thành phố Thủ Đức, TP.HCM thuộc sở hữu của ông Lê Đức Thuận và bà Lê Thu Huyền. - Hàng tồn kho và các khoản phải thu luân chuyển trị giá tối thiểu 20 tỷ đồng theo Hợp đồng thế chấp số 01/2021/TCHHKPT/VCB-BN ngày 22/06/2021.
	Hợp đồng cấp tín dụng số 004/TBN- TSN/21TD ngày 14/01/2021 và Hợp đồng cấp tín dụng bổ sung số 02/004/TBN-TSN/21NH ngày 28/05/2021.	17.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ	Quy định trong từng giấy nhận nợ	17.000.000.000	17.000.000.000	Quyền sử dụng đất và nhà ở tại 68 đường Phạm Ngọc Thảo, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP.HCM theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 003/TBN- TSN/21TC ngày 14/01/2021.
	<b>Tổng cộng vay ngắn hạn</b>					<b>130.138.973.698</b>	<b>130.138.973.698</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

II	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn							
Đơn vị tính: VND								
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Hợp đồng số 178/2021- HĐCVDADT/NHCT131-HONGHA ngày 01/06/2021	4.400.000.000	Mua sắm đầu tư bổ sung máy móc thiết bị năm 2021 phục vụ sản xuất kinh doanh	48 tháng	8%/năm	629.923.240 629.923.240	629.923.240 629.923.240	Hợp đồng thế chấp nhà ở gắn liền với đất và các hợp đồng thế chấp khác.
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Hợp đồng cho vay tung lần trung dài hạn số 004/tbn-tsn/21TDH ngày 14/01/2021	11.921.000.000	Đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất bánh bông lan chà bông tự động mới 100%.	84 tháng	Áp dụng từng lần giải ngân	11.039.000.000 11.039.000.000	1.764.000.000 1.764.000.000	- Tài sản hình thành từ vốn vay - Quyền sử dụng đất và nhà ở tại 68 đường Phạm Ngọc Thảo, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP.HCM theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 003/TBN- TSN/21TC ngày 14/01/2021.
3	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam Hợp đồng số 1702-LAV-2017-00397 ngày 10 tháng 11 năm 2017.	1.060.000.000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	84 tháng	Áp dụng từng lần giải ngân	442.600.000 442.600.000	151.200.000 151.200.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
4	Ngân hàng TMCP Quân đội Hợp đồng số 7886.19.008.1516289.TD ngày 20 tháng 03 năm 2019. Hợp đồng số 9462.19.008.1516289.TD ngày 02 tháng 04 năm 2019.	861.280.000 1.807.000.000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh Mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	48 tháng 48 tháng	Áp dụng từng lần giải ngân Trong từng giấy nhận nợ	2.517.112.500 259.225.000 564.715.000	1.768.542.000 215.220.000 451.740.000	Tài sản hình thành từ vốn vay Tài sản hình thành từ vốn vay Hợp đồng tiền gửi số 21505.19.008.1516289.TG.DN
	Hợp đồng số 22980.19.008.1516289.TD ngày 21 tháng 06 năm 2019 Hợp đồng số 26927.19.008.1516289.TD ngày 15 tháng 07 năm 2019	640.900.000 3.765.432.000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh Mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	48 tháng 48 tháng	99%/năm 9,5%/năm	226.988.000 1.466.184.500	160.224.000 941.358.000	Tài sản hình thành từ vốn vay Tài sản hình thành từ vốn vay
5	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hợp đồng tín dụng số SHBVN/RMC/2021/HĐTD-0079 ngày 15/01/2021	429.000.000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	60 tháng	8,5%/năm	350.350.000 350.350.000	85.800.000 85.800.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
6	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Hợp đồng số 01.113/2020/TSC-CTTC ngày 25 tháng 09 năm 2020 Hợp đồng số 01.114/2020/TSC-CTTC ngày 25 tháng 09 năm 2020	605.000.000 484.000.000	Thuê máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Thuê máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	48 tháng 48 tháng	8,5%/năm 8,5%/năm	595.529.000 330.848.000	204.204.000 113.448.000	Ký cược bảo đảm Ký cược bảo đảm
	<b>Tổng cộng vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>					<b>15.574.514.740</b>	<b>4.603.669.240</b>	
	<b>Tổng cộng vay</b>					<b>145.713.488.438</b>	<b>134.742.642.938</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quý đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	80.000.000.000	-	-	-	-	36.603.650.777	5.787.782.976	122.391.433.753				
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	31.839.078.439	527.695.422	32.366.773.861				
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	1.698.273.899	(2.264.365.199)	-	(566.091.300)				
Hợp nhất công ty con mua trong năm	-	-	-	-	-	(121.382.488)	4.670.012.158	4.548.629.670				
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.698.273.899</b>	<b>66.056.981.529</b>	<b>10.985.490.556</b>	<b>158.740.745.984</b>				
<b>Số dư đầu năm nay</b>	80.000.000.000	-	-	-	1.698.273.899	66.056.981.529	10.985.490.556	158.740.745.984				
Chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ	80.000.000.000	79.813.400.000	-	-	-	-	-	159.813.400.000				
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	63.173.154.554	2.678.347.369	65.851.501.923				
Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	(39.999.890.000)	-	-				
Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền	39.999.890.000	-	-	-	-	(4.000.000.000)	(7.222.545.606)	(4.000.000.000)				
Chuyển nhượng Công ty con trong năm	-	-	-	-	-	(955.299.240)	-	(8.177.844.846)				
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>199.999.890.000</b>	<b>79.813.400.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.698.273.899</b>	<b>84.274.946.843</b>	<b>6.441.292.319</b>	<b>372.227.803.061</b>				

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần Á Long	9,41%	18.812.500.000	18,81%	15.050.000.000
Ông Lê Đức Thuận	36,06%	72.125.890.000	36,06%	28.850.360.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Homeconstruct	0,00%	-	5,88%	4.700.000.000
Các cổ đông khác	54,53%	109.061.500.000	39,25%	31.399.640.000
	<b>100%</b>	<b>199.999.890.000</b>	<b>100%</b>	<b>80.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	199.999.890.000	80.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	119.999.890.000	-
- Vốn góp cuối năm	199.999.890.000	80.000.000.000

**Thông tin phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ1 ngày 29/04/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 và phát hành, chào bán cổ phiếu phổ thông để tăng vốn điều lệ trong năm 2021. Trong đó:

- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 20% vốn điều lệ, tương ứng giá trị phát hành 16 tỷ đồng (tính theo mệnh giá cổ phiếu), phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 30% vốn điều lệ, tương ứng với giá trị phát hành 24 tỷ đồng (tính theo mệnh giá cổ phiếu);
- Phát hành cổ phiếu để chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1, tương ứng với giá trị chào bán tối đa 80 tỷ đồng (tính theo mệnh giá cổ phiếu).

**Kết quả phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2020 và thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu**

- Tổng số cổ phiếu phát hành: 4.000.000 cổ phiếu, trong đó:
  - + Số cổ phiếu phân phối cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ: 3.999.989 cổ phiếu cho 1.132 cổ đông;
  - + Số cổ phiếu xử lý phân lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ: 11 cổ phiếu.
- Tổng vốn tăng từ việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu thưởng để tăng vốn cổ phần: 39.999.890.000 đồng.

**Kết quả phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu**

- Tổng số lượng cổ phiếu chào bán thành công: 8.000.000 cổ phiếu;
- Tổng số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là 160.000.000.000 đồng, chi phí phát hành là 186.600.000 đồng, thu ròng từ phát hành là 159.813.400.000 đồng. Trong đó, số tiền thu được tương ứng với mệnh giá là 80.000.000.000 đồng, thặng dư thu được là 79.813.400.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu**

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ1 ngày 29/04/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Theo đó, với tổng số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến là 8.000.000 cổ phiếu, tương ứng tiền thu về sau đợt chào bán là 160.000.000.000 đồng, Công ty sẽ sử dụng toàn bộ vốn huy động từ đợt phát hành cho mục đích nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của Công ty: Thuê đất xây dựng nhà máy; đầu tư xây dựng nhà máy; mua sắm máy móc thiết bị; bổ sung vốn lưu động. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng phương án chi tiết, thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (nếu cần), tùy thuộc vào tình hình thực tế và nhu cầu sử dụng vốn của công ty tại từng thời điểm, đảm bảo phù hợp tình hình kinh doanh thực tế của công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Theo kết quả phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, tổng số tiền thu về từ đợt chào bán là 160.000.000.000 đồng. Công ty đã sử dụng số tiền thu về từ đợt chào bán cho hoạt động kinh doanh, theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc về phê duyệt phương án sử dụng nguồn sau tăng vốn.

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.999.989	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	19.999.989	8.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.999.989	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.999.989	8.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.999.989	8.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.698.273.899	1.698.273.899
	<b>1.698.273.899</b>	<b>1.698.273.899</b>

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	686.754.686.628	419.023.743.887
Doanh thu bán hàng hóa	318.467.594.097	179.475.801.714
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.710.530.617	5.803.180.244
	<b>1.010.932.811.342</b>	<b>604.302.725.845</b>

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

**21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	6.677.729.975	4.549.218.498
Hàng bán bị trả lại	2.879.687.352	2.892.661.413
	<b>9.557.417.327</b>	<b>7.441.879.911</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	619.562.160.395	340.167.880.051
Giá vốn của hàng hóa đã bán	227.316.149.067	171.958.009.525
	<b>846.878.309.462</b>	<b>512.125.889.576</b>

**23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.781.667.189	321.193.115
Doanh thu hoạt động tài chính khác	18.419.945	-
	<b>2.800.087.134</b>	<b>321.193.115</b>

**24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.423.725.153	3.203.949.056
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	10.401.293
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	222.096.462	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	13.955.988	-
	<b>8.659.777.603</b>	<b>3.214.350.349</b>

**25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	58.362.953	19.120.414
Chi phí nhân công	16.721.055.907	10.523.110.108
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.257.565.478	922.028.586
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.437.072.733	8.443.330.788
Chi phí khác bằng tiền	7.141.006.430	2.515.275.102
	<b>44.615.063.501</b>	<b>22.422.864.998</b>

**26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	1.053.006.076	835.898.874
Chi phí nhân công	6.382.831.473	6.180.079.904
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.239.990.794	4.388.856.846
Thuế, phí, lệ phí	557.878.344	276.717.494
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.748.198.698	6.012.070.152
Lợi thế thương mại	293.376.862	(113.085.929)
Chi phí khác bằng tiền	1.556.112.488	1.356.098.099
	<b>20.831.394.735</b>	<b>18.936.635.440</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.464.937.115	7.794.789.831
	<b>20.464.937.115</b>	<b>7.794.789.831</b>

**28 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI****a) Tài sản thuế TNDN hoãn lại**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3.751.932.796	80.941.275
	<b>3.751.932.796</b>	<b>80.941.275</b>

**b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời liên quan lợi nhuận chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	(3.751.932.796)	36.588.038
	<b>(3.751.932.796)</b>	<b>36.588.038</b>

**29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	65.851.501.923	32.366.773.861
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	65.851.501.923	32.366.773.861
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.522.399	8.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>6.915</b>	<b>4.046</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	743.885.019.833	486.362.139.449
Chi phí nhân công	40.967.762.425	27.191.426.774
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.494.434.198	11.722.794.470
Chi phí thuế và lệ phí	313.672.086	233.122.627
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.333.597.858	20.651.462.903
Chi phí khác bằng tiền	10.904.000.337	3.477.005.471
	<b>847.898.486.737</b>	<b>549.637.951.694</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.372.815.774	-	10.717.816.844	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	53.524.339.140	-	81.598.496.771	-
Đầu tư ngắn hạn	362.000.000	-	362.000.000	-
	<b>109.259.154.914</b>	<b>-</b>	<b>92.678.313.615</b>	<b>-</b>

**Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Vay và nợ	145.713.488.438	51.141.058.026
Phải trả người bán, phải trả khác	33.930.792.604	47.987.588.698
Chi phí phải trả	165.000.000	-
	<b>179.809.281.042</b>	<b>99.128.646.724</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Đầu tư ngắn hạn	362.000.000	-	-	362.000.000
	<b>362.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>362.000.000</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Đầu tư ngắn hạn	362.000.000	-	-	362.000.000
	<b>362.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>362.000.000</b>

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.372.815.774	-	-	55.372.815.774
Phải thu khách hàng, phải thu khác	53.474.339.140	50.000.000	-	53.524.339.140
Đầu tư ngắn hạn	362.000.000	-	-	362.000.000
	<b>109.209.154.914</b>	<b>50.000.000</b>	<b>-</b>	<b>109.259.154.914</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.717.816.844	-	-	10.717.816.844
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.598.496.771	45.000.000.000	-	81.598.496.771
Đầu tư ngắn hạn	362.000.000	-	-	362.000.000
	<b>47.678.313.615</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>92.678.313.615</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Vay và nợ	134.742.642.938	10.970.845.500	-	145.713.488.438
Phải trả người bán, phải trả khác	33.930.792.604	-	-	33.930.792.604
Chi phí phải trả	165.000.000	-	-	165.000.000
	<b>168.838.435.542</b>	<b>10.970.845.500</b>	<b>-</b>	<b>179.809.281.042</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Vay và nợ	49.837.882.696	1.303.175.330	-	51.141.058.026
Phải trả người bán, phải trả khác	47.987.588.698	-	-	47.987.588.698
	<b>97.825.471.394</b>	<b>1.303.175.330</b>	<b>-</b>	<b>99.128.646.724</b>

**32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**  
Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất		Hoạt động thương mại		Các hoạt động khác		Tổng cộng các bộ phận		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	677.197.269.301	318.467.594.097	5.710.530.617	1.001.375.394.015	1.001.375.394.015	1.001.375.394.015	1.001.375.394.015	1.001.375.394.015	1.001.375.394.015	1.001.375.394.015
Chi phí bộ phận trực tiếp	619.562.160.395	227.316.149.067	-	846.878.309.462	-	846.878.309.462	846.878.309.462	846.878.309.462	846.878.309.462	846.878.309.462
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>57.635.108.906</b>	<b>91.151.445.030</b>	<b>5.710.530.617</b>	<b>154.497.084.553</b>	<b>154.497.084.553</b>	<b>154.497.084.553</b>	<b>154.497.084.553</b>	<b>154.497.084.553</b>	<b>154.497.084.553</b>	<b>154.497.084.553</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	27.554.261.009	-	-	27.554.261.009	-	27.554.261.009	27.554.261.009	27.554.261.009	27.554.261.009	27.554.261.009
Tài sản bộ phận	96.762.110.361	-	-	96.762.110.361	-	96.762.110.361	96.762.110.361	96.762.110.361	96.762.110.361	96.762.110.361
Tài sản không phân bổ	-	-	-	480.654.101.702	-	480.654.101.702	480.654.101.702	480.654.101.702	480.654.101.702	480.654.101.702
<b>Tổng tài sản</b>	<b>124.316.371.370</b>	<b>604.970.473.072</b>	<b>604.970.473.072</b>	<b>604.970.473.072</b>	<b>604.970.473.072</b>	<b>604.970.473.072</b>	<b>604.970.473.072</b>	<b>604.970.473.072</b>	<b>604.970.473.072</b>	<b>604.970.473.072</b>
Nợ phải trả bộ phận	31.818.814.057	-	-	31.818.814.057	-	31.818.814.057	31.818.814.057	31.818.814.057	31.818.814.057	31.818.814.057
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	173.369.594.945	-	173.369.594.945	173.369.594.945	173.369.594.945	173.369.594.945	173.369.594.945
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>31.818.814.057</b>	<b>205.188.409.002</b>	<b>205.188.409.002</b>	<b>205.188.409.002</b>	<b>205.188.409.002</b>	<b>205.188.409.002</b>	<b>205.188.409.002</b>	<b>205.188.409.002</b>	<b>205.188.409.002</b>	<b>205.188.409.002</b>

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 18.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>2.554.526.561</b>	<b>2.546.143.357</b>
Công ty Cổ phần Á Long	(*)	2.554.526.561	2.546.143.357
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>7.561.556.000</b>	-
Công ty Cổ phần Á Long	(*)	7.561.556.000	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
<b>Phải trả người bán</b>		-	358.750
Công ty Cổ phần Á Long	(*)	-	358.750


(\*) Chủ tịch HĐQT của Công ty, đồng thời là cổ đông lớn kiêm Tổng giám đốc của Công ty trên.


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>			
Lê Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	240.000.000	72.000.000
Trần Xuân Vinh	Thành viên HĐQT kiêm TGD	120.000.000	60.000.000
Vũ Đức Lợi	Thành viên HĐQT kiêm TGD	208.010.769	-
Phạm Thế Hưng	Thành viên HĐQT	298.392.308	242.914.815
Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên HĐQT	282.418.940	236.208.855
Đặng Minh Quang	Thành viên HĐQT	120.000.000	60.000.000

**35 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam kiểm toán.

  
Lại Thị Thu Hà  
Người lập

  
Đỗ Quang Phong  
Kế toán trưởng

  
Lê Đức Thuận  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2022